

TIỂU TỬ

Tập truyện 2



tập truyện
số 2

Tiểu Tử

tập truyện số 2

Tiểu Tử

Bìa: *Ảnh ngã tư Hai Bà Trưng - Hiền Vương*
Nguồn: *petruskyaus.net/nha-van-tieu-tu/*

tập truyện số 2

TIỂU TỬ

Mục lục

1. Con Mén	9
2. Con số 3	71
3. Đám cưới ngày xưa	78
4. Đạp xích lô	92
5. Đèn trung thu	104
6. Đi xe đồ, đi xe ôm	115
7. Giọt mưa trên tóc	150

Con Mén

Trong khai sanh nó tên là Loan. Ở nhà gọi nó là con Mén, vì hồi sanh nó ra nó chỉ cân được có hai kí lô tữ. Bà nội nó bồng nó trên tay, nhỏ xiu như một con mèo. Bà cười văng cốt trầu:”Đu họ nó! Thứ gì mà như con chí mén!” Từ đó, gọi nó là con Mén luôn.

Nó bú sữa mẹ, nhưng vì nhà nghèo nên má nó không đủ sữa, dặm thêm cho nó bằng nước cháo, cho nên nó không mập mạp như phần đông các trẻ nít khác.

Nó cứ đèo đèo, lớn chậm và ốm tong ốm teo.



Bà nội nó cưng nó lắm. Bởi vì ba má nó chỉ sanh có con trai, một dọc ba đứa, phá phách đánh lộn tối ngày. Bà nội nó thèm có một đứa cháu gái, nhẹ nhàng dễ sai dễ bảo hơn. Bà thường nói: “Có đứa cháu gái để tao có đi đâu nó theo nó xách giỏ trâu”. Một ước mơ rất tầm thường nói lên nét bình dị mộc mạc của tâm hồn các bà mẹ quê. Giống như mái nhà tranh chỉ cần có bụi chuối sau hè, có ao bèo trước

ngõ...Giống như con rạch nhỏ, chỉ cần đều đặn có nước lớn nước ròng...

Con Mén có thân hình óm o xấu xí nhưng lại có đôi mắt sáng, linh động, với cái miệng nhỏ chu-chu cũng dễ thương. Bà nội nó nói: “Cái ngữ này lớn lên rồi phải biết. Nó hổng dằng trời!”. Nói như vậy chớ bà ưa nhìn nó ngủ sau khi bú, nhả vú ra rồi mà miệng vẫn còn nút nút.

Quê con Mén ở miệt Hậu Giang một làng nhỏ nằm xa tỉnh lỵ, xẻ đôi bởi một con kinh đào. Vùng này chưa có đường xe chạy, nhưng có nhiều sông rạch nên thiên hạ đi lại bằng ghe to xuống nhỏ. Hoặc đi bộ dọc theo bờ nước hay băng ngang đồng vào mùa ruộng khô. Xa xa, có những chiếc cầu gỗ bắc ngang kinh rạch, nối xóm này qua xóm nọ. Cầu gỗ cao lêu-nghêu, chân dài cắm sâu vào lòng nước như sợ nước lên làm ướt thân

cầu. Người ta qua lại không cần lan can.

Xóm con Mén tên là xóm Cầu Ngang, một cái tên nghe rất thật thà, làm như trên đời này còn có những cái cầu dọc vậy! Xóm nhỏ đó cũng có chợ nhà lồng lợp tôn đơn-sơ. Vây quanh chợ là quán cà phê, tiệm chụp-phô, tạp hóa, hàng vải... và một tiệm sách, gọi là tiệm sách nhưng chỉ chuyên cho thuê tiểu thuyết, truyện tàu.

Con Mén sanh ra ở đó. Khi nó biết đi biết chạy, bà nội nó lúc nào cũng kè một bên, sợ nó té sông. Vậy mà chẳng mấy lâu sau, nó biết lội hồi nào bà nó cũng không hay, nó học lội với ai bà nó cũng không biết. Mãi đến một hôm, trời nóng bức, con Mén nhảy ùm xuống kinh làm bà nội nó la làng chói-lói. Đến khi nhìn lại thấy nó lội như rái, bà mừng chảy nước mắt. Lòng bà vui lắm nhưng bà

cũng chưởi đồng: “Mồ tổ cha mày!” Từ đó, con Mén đi đâu một mình bà cũng yên tâm. Bà nói: “Nó giống hệt thằng cha nó hồi nhỏ”.

Lớn lên một chút, con Mén lúc nào cũng ở trần, đi chân đất, chỉ mặc có cái quần xà-lỏn ka ki. Nó vẫn ốm tong ốm teo, nhưng không thấy nó bệnh bao giờ. Nó chơi với lũ trẻ hàng xóm, chơi trò con trai như con trai. Vậy mà bà nội nó vẫn ưa nó hơn là ba thằng anh của nó, bởi vì đêm nào nó cũng chui vào ngủ với bà. Bà thích vuốt tóc cho nó ngủ và thích nghe mùi thơm hơi thở của con Mén, như ngày xưa, hồi còn trẻ, bà thích nghe mùi thơm của lúa chín, gió ruộng đưa thoang thoảng vào nhà về đêm...

Má con Mén mua đầu chợ bán cuối chợ. Kiếm đủ nuôi mấy miệng ăn. Nghèo nhưng không đói. Ba nó trốn lính

một đạo, nhưng rồi cũng bị bắt. Đi quân dịch, làm binh nhì, rồi đi luôn không biết chừng nào giải-ngũ!

Ba nó đóng ở đầu miệt Sài-Gòn. Lâu lâu về phép, ở nhà được vài hôm. Những hôm đó, con Mén khoái lắm, bởi vì ba nó cũng cưng nó như bà nội nó vậy. Sáng nào, ba nó cũng công nó ra tiệm cà-phê. Nó ngồi trên ghế đầu cạnh ba nó, đôi mắt chỉ cao hơn mặt bàn một chút. Người lớn hay vò đầu nó, làm rối bồng mái tóc bom-bê. Lúc nào nó cũng được ba nó gọi riêng cho một tách sữa nhỏ. Sợ sữa nóng, ba nó thường sốt ra đĩa cho mau nguội. Nó kê miệng vào thành đĩa, hớp từng hớp nhỏ. Hai bên mép, sữa đóng thành hai đường trắng hếu, nhưng mắt nó ngời lên sung sướng. Những lúc đó, con Mén đóng đưa hai chân như người ta đuổi ruồi...

Rồi một hôm, Việt Cộng về xóm Cầu Ngang, bắn phá tới bởi suốt một đêm, sáng bữa sau rút đi mất. Thiên hạ bắt đầu bàn tán. Trời vừa sụp tối đã đóng cửa cài then. Đêm đêm nằm ngủ phập phồng. Sáng ra nhìn nhau lơ-láo. Nét thanh bình xóm nhỏ làng quê mất dạng lần lần. Người ta bắt đầu tản cư...

Ba nó về, đưa mẹ con nó lên Sài-Gòn. Bà nội nó ở lại. Bà nói: “Tao già rồi, đi đâu chi? Tụi bây lo cho sắp nhỏ đi, đừng lo cho tao”. Bà nói cứng như vậy chớ lòng bà đau như dao cắt. Bà biết: bây vịt nhỏ và mấy gốc mận gốc xoài không giúp được bà thường xuyên lên thăm bây cháu. Nhứt là con Mén, rút nó đi y như là cắt đi một núm ruột của bà. Hôm đó, bà nội con Mén ăn trầu nhiều hơn mọi ngày, hết miếng này là tèm ngay miếng nọ, mắt nhìn mãi bờ kinh, không

nói. Đến khi đưa bầy cháu xuống ghe, bà ôm con Mén vào lòng, hôn nó mà bà khóc ngất. Bà dúi vào tay nó tờ giấy năm chục đồng xấp nhỏ, nói trong nước mắt: “Nội cho con lên trên mua bánh ăn”. Nó nghe nồng lên mùi cốt trầu, mùi bà nội nó, cái mùi mà nó đã quen thở đêm đêm khi gối đầu lên tay bà để đi vào giấc ngủ. Nó ôm bà mà khóc như mưa...

Ghe đã đi xa, ghe máy nên đi nhanh hơn ghe chèo. Bà nội con Mén còn đứng ở bờ kinh, mắt rời theo ghe mà nghe như người bà bị tê dại. Kinh đào dài tun hút. Ghe đã mất dạng từ lâu mà bà vẫn nhìn mãi về phía đầu kinh. Tuốt ở đầu kinh – xa lắm – có một lần dài gạch ngang, người ta gọi là chân trời...

*

Ba con Mén hốt hụi vay nợ mua một căn nhà nhỏ vách ván lợp tôn ở xóm Bộng, bên kia sông Khánh Hội. Gọi là xóm Bộng bởi vì ở đó có cái ống cống thật to để nước ruộng vào ra khi nước lớn nước ròng. Dân nghèo tứ xứ tản cư về đây, ngày một nhiều, nhà nho nhỏ cất dọc cát ngang, mọc lên như nấm. Cứ có chỗ trống là cất chen vào. Ngoài mặt lộ hết đất, họ cất tràn ra ruộng. Nhà này tựa vào nhà kia như sợ ngã, sát nhau đến độ không còn chỗ để làm đường đi! Muốn vào xóm, có đoạn đi trên bờ đê – gọi là đê nhưng là bờ ruộng cũ bây giờ người ta bồi rộng ra thêm một chút – có đoạn đi trên mấy tấm ván gập gềnh bắc ngang đường nước, có đoạn phải bước hẳn vào nhà người ta để đi qua. Nhà lụp-xụp thấp lè-tè nên cứ phải cúi lom-khom, có khi bước cạnh vợ chồng người ta đang nằm ngủ trong nhà, dưới đất!

Mái nhà con Mén thuộc vào hạng cũng khá cao trong xóm. Ba nó phải đưa tay thẳng lên mới đụng. Nhà nó được lát gạch bông phần nền đất, còn nửa phần sau là đóng cừ lót ván. Ông chủ cũ nói với ba con Mén: “Làm tới đó tôi hết tiền. Thôi thì tạm một khúc nhà sàn, chừng nào cậu muốn, cậu đắp nền thêm”. Rồi ông đứng trên sàn nhún-nhún: “Ván còn tốt, còn chịu được năm ba mùa lụt”. Năm ba mùa đây có nghĩa là năm ba mùa nước ngập. Những hôm mưa nhiều, nước không chảy kịp ra sông, nước lên lé-đé mặt sàn. Có nơi nước tràn vào nhà, ngập mấy hôm mới rút. Những hôm đó, người ta treo hết đồ lên nóc, treo vài cái võng để ngủ tòn ten giữa vời...

Nhà con Mén không có đồ đạc gì nhiều: một vài cái rương chất trong một góc, một cái tủ nhỏ kê sát vào vách, quần

áo máng trên mấy cây đinh đóng trên vách đối diện, bếp dầu hơi sòng chén dồn vào một góc phía sau. Cái gì cũng tấn vào vách vào góc để chừa khoảng trống giữa nhà dùng làm chỗ ăn chỗ ngủ. Phía sau nhà là sà nước lộ thiên. Nước chứa trong hai thùng phi nhà binh màu cứt ngựa mà ba con Mén xin từ đơn vị đem về. Tắm rửa giặt giũ ở đó, và về đêm, phóng uế cũng ở đó luôn.

Khu này không có điện nước. Cho nên nhà nào cũng có vài cây đèn dầu hơi và đôi ba thùng phi. Mỗi ngày, có xe xi-tet đến bán nước- người ta gọi là “đổi nước” – Họ kéo ống cao-su nhỏ bằng cườm tay, chấp nối thật nhiều khúc mới đủ dài để vào sâu trong xóm. Tiếng máy bơm của họ kêu thật lớn, xành xạch xành xạch điếc tai. Nhưng cũng nhờ nó mà người trong xóm biết là xi-tet nước

đến rồi! Xi-tet nước chỉ “làm ăn” trong mùa nắng thôi...

Về đây, con Mén ngủ với ba nó, ngủ trên vông. Má nó và ba thằng con trai ngủ dưới gạch. Đêm đầu, con Mén không chịu ngủ, cứ đòi về bà nội. Nó ngồi bẹp dưới đất, khóc ư-ử. Lâu lâu gọi một cách thăm não: “Bà nội ơi!” Tiếng “ơi” của nó kéo dài ra, làm má nó cũng nhớ nhà nhớ đất, nước mắt chảy quanh. Ba nó thối tắt đèn, vói tay ôm nó vào lòng, nằm trên vông đong đưa dõ: “Nín đi con, nín. Ngủ với ba cũng giống như ngủ với bà nội chớ gì. Rồi mai một bà nội con lên ở với con nhen”. Tiếng “nhen” bỗng ngẹn ngang nơi cổ, ba nó kềm lăm mới khỏi phải nấc lên. Tuy nhiên, trong bóng đêm, nước mắt cũng âm thầm chảy dài trên má...

*

Mỗi ngày, ba con Mén đi làm trong đơn vị, sáng đi chiều về, đi bằng xe buýt. Má nó chưa quen nước quen cái nên ở nhà vá áo nấu cơm. Anh em tụi nó lân la làm quen lũ nhỏ trong xóm. Dù ở giữa lòng thành phố, trò chơi của tụi nó vẫn mộc-mạc thô-sơ như thuở còn dưới ruộng: bắn bi, búng dây thun, lấy nút khoén làm mề-đai hay in cát giả làm bánh.

Ít lâu sau, má con Mén được người hàng xóm giới thiệu vào làm phu trong nhà máy ve chai bên kia sông. Mới đầu còn bỡ ngỡ, làm sai làm trật. Chiều nào về, má nó cũng buồn thiu, ra ngồi trên sàn nước, nhìn khoảng trời mở ngổ trên cao, lâu lâu thở dài. Nhưng lần hồi má nó cũng quen tay, thêm tánh siêng-năng cần-cù, nên mấy thầy giám thị cũng thương

tình nâng đỡ. Nhờ vậy má nó mới vững lòng tin ở ngày mai. Ngày mai, đối với ba má con Mén, thật là giản dị: “Chùng yên, mình về dưới bà nội tụi nhỏ, lãnh mấy công ruộng mà làm cũng dư sống”. Cái hình ảnh của ngày mai đó, người tản cư nào cũng nghĩ giống như nhau: yên rồi về quê làm lại cuộc đời. Họ đã rời làng bỏ xóm ra đi, đi để còn sống mà trở về, nhưng họ vẫn mang theo trong lòng gốc dừa cây cau chậu kiểng. Họ không bám được đất, nhưng họ không để mất được gốc. Chính tình cảm quê hương sâu đậm đó đã giúp họ can-đảm nhận chịu cuộc sống tạm bợ ngày hôm nay. Ngày qua ngày, họ mớm niềm tin bằng hy vọng. Và ngày qua ngày họ nuôi hy vọng bằng niềm tin! Cứ lẩn-quẩn loanh-quanh như vậy cho đến một ngày nào đó – chưa phải là cái ngày mai chờ đợi – người già tắt thở với niềm tin và trẻ con lớn lên

không biết phải hy vọng ở cái gì...Chỉ còn thể hệ của ba má con Mén là lây lất sống trong lòng đô thị, ví mình như cây chùm gởi, còn biết thế nào là niềm đau quê hương nhưng vẫn mỗi mòn chờ đợi.”Ngày mai... Ngày mai, rồi trời sẽ lại sáng”.

*

Mấy anh con Mén đều được đi học, chỉ có nó là chưa. Có lẽ tại vì nó gầy còm nhỏ thó nên ba má nó quên tuổi thật của nó đi, cứ nghĩ: “Sang năm là đến phiên con Mén”. Nhưng rồi nó vẫn còi-còi như vậy hoài, có lẽ còn lâu mới đi học!

Buổi sáng, ăn cháo xong là cả nhà đi hết. Con Mén ở lại coi nhà. Tiếng là coi nhà chớ lúc nào cũng thấy nó la-cà

ở hàng xóm, làm bánh giả, búng dây thun. Nó búng dây thun giỏi nhứt xóm. Đã khéo tay lại biết tính toán nên ngày nào nó cũng ăn của trẻ con cùng lứa rất nhiều dây thun. Về nhà, nó cho vào túi ni-long cất kỹ, bởi vì vòng dây thun là “tiền” của tụi nhỏ. Năm vòng thun “mua” được cái nút khoén lô-can (la-ve, nước ngọt) mười vòng thun một nút khoén ngoại quốc (các loại chai nhập cảng) và phải tới hai chục vòng thun mới có được lon cô-ca không, thật hấp dẫn với nền đỏ tươi in chữ trắng... Vòng thun có giá trị như vậy cho nên đứa nào cũng ráng kiếm cho thật nhiều. Rồi cũng giấu kỹ. Rồi cũng đếm tới đếm lui, y như người lớn đếm tiền thật.

Một buổi mai, con Mén mang bọc dây thun ra đầu ngõ tìm bạn. Ở đây, có một quán cà-phê hủ tiếu và vài hàng quà

bánh điểm tâm. Một bà già bán xôi thấy bọc ni-long dây thun con Mén nhét tòn ten ở lưng quần, bèn hỏi: “Dây thun đâu nhiều vậy cháu?”. Nó trả lời là dây thun của nó. Bà ta cười hiền hòa: “Vậy hà. Chớ cháu có bán dây thun hôn, bà mua cho. Để cột mấy bọc xôi ý mà”. Ở đây, mấy người đi làm sớm không có thì giờ ăn sáng, ghé qua mua gói xôi mang theo để lúc nào tiện thì mở ra ăn. Xôi vẫn được gói bằng lá chuối, nhưng sau đó được cho vào bọc ni-long có sợi thun thắt lại. Vừa sạch vừa gọn.

Nghe hỏi, con Mén phân vân. Tới tuổi này, nó chưa biết đi mua một cái gì bằng tiền thiệt hết. Huống chi nói đến chuyện bán! Nó chỉ biết giả mua giả bán nút khoén, hộp lon, trong thế giới trẻ con nhiều tưởng tượng của nó thôi. Tiền thiệt thì nó chỉ biết có tờ giấy năm

chục đồng mà bà nội nó cho nó hồi đó. Nó đưa má nó cất rồi nó quên luôn tới giờ. Thật ra, nó chỉ biết tờ giấy đó là tiền nhưng chẳng biết giá trị là bao nhiêu và cũng không biết dùng tiền đó để làm gì. Bởi vì, trong xã hội trẻ con của nó, chỉ có dây thun là có giá!

Thấy nó đứng ngơ ra mà miệng cười mím mím, bà bán xôi hiểu ngay, nên đề nghị: “Như vậy nhen: cháu cho bà túi dây thun, bà cho cháu cục xôi bự này nè”. Nó nhìn theo tay bà chỉ: mềng ơi! cục xôi bằng “bắp đùi ” nằm trong lá chuối xanh láng mượt, lộ ra hai đầu vàng hực có mấy miếng dừa lòi ra trắng hếu. Nó nuốt nước miếng, gật đầu. Vậy là lần đầu tiên con Mén biết thế nào là buôn bán trong xã hội của người lớn.

Từ đó, nó thường đem túi ni-lông dây thun ra ngõ “mua” xôi. Bà bán xôi

thương nó lắm, bởi vì lần nào nó mở hàng bà cũng đều bán đắt. Nhiều hôm vắng nó bà cũng nhớ. Những hôm đó, con Mén “hết tiền”. Nhưng thèm xôi, có khi nó cũng mò ra đầu ngõ, đứng xa xa nhìn thau xôi của bà lão. Thau xôi được phủ kín lá chuối, nhưng trong tưởng tượng nó cũng thấy được màu xôi vàng hực! Thấy tội nghiệp, một hôm bà bán xôi gọi nó lại, đưa nó tờ giấy bạc: “Nè! Lấy tiền này mua xôi mở hàng cho bà đi cháu”. Nó làm theo như cái máy. Bà bán xôi cảm động, kéo nó ngồi xuống cạnh bà. Nó ăn xôi, mắt ngời lên sung sướng. Nó ồm nhom nhưng gương mặt nó thật kháu khỉnh. Mái tóc bom-bê cắt ngắn làm cho cổ nó dài ra. Bà vuốt tóc nó, nghĩ: “Con nhà ai mà dễ thương quá!”. Được bàn tay khẳng khiu của bà già vuốt tóc, bỗng nhiên con Mén nghe nhớ-nhớ một cái gì. Một cái gì không rõ lắm nhưng là

một cái gì thật quen thuộc. Hình như là một cảm giác êm êm, khoái khoái, một cảm giác mà từ lâu- rất lâu – nó không nghe thấy nữa. Nó mang máng nhớ một cái gì xa thật xa, một hình ảnh, một cái tên, một người... Nó ngừng nhai, miếng xôi trong miệng đội phồng một bên má. Nó nhìn lên mặt bà bán xôi: má hóp, trán nhăn, tóc lưa thưa bạc. Đúng lúc đó, từ tiềm thức của nó bật lên hình ảnh của bà nội nó. Chỉ trong có một giây mà nó nhớ lại hết: từ bàn tay vuốt tóc, từ cánh tay gối đầu, từ mùi cốt trầu hăng-hăng mà nó ghiền thở đêm đêm để ngủ. Nó nghe nghẹn ở ngực. Nó nghe như muốn khóc. Mũi dưới nó trề ra. Miệng nó méo xệch. Nó buông cục xôi, đứng lên chạy ù vào ngõ. Vừa chạy, vừa kêu từng tiếng thật rõ ràng: “Bà...nội...ơì...!” Tiếng “ơì” của nó kéo dài ra trong xóm, nức nở như một đường cày trên mặt ruộng...

Việt Cộng về chiếm hết mấy làng, trong đó có xóm Cầu Ngang của con Mén. Ít lâu sau, có tin bà nội nó chết. Ba má nó không dám về chịu tang, chôn cất, phần vì không có tiền, phần vì sợ Việt Cộng. Ba nó lấy một cái rương kê vào giữa vách, đặt lên đó một chén gạo và hai cây đèn cầy. Đốt đèn, đốt nhang cắm vào chén gạo, xong, ba má nó vừa lay vừa khóc. Lần đầu tiên con Mén thấy ba nó khóc. Không biết gì, nhưng sao nó cũng muốn khóc theo. Mấy thằng anh nó ngồi xếp bằng một hàng, im thin thít. Sau đó, ba nó ôm nó vào lòng, ngồi nhìn khói nhang và hoa đèn lâu thật lâu. Nó hết nhìn cái rương lại nhìn mặt ba nó. Tự nhiên nó thấy thương ba nó vô cùng.

Mãi sau này con Mén mới biết cái rương đó là bàn thờ bà nội nó.

Bây giờ, con Mén cũng được đi học. Bây giờ, ba nó cũng sắm được chiếc xe đạp để đi làm. Má nó thì vẫn đi dò ngang để qua nhà máy ve chai. Mấy anh nó, vì trường cũ hết lớp phải qua trường khác xa hơn, vẫn đi bộ.

Má nó đã lên cấp thợ, nhờ vậy mà trong nhà thấy dễ thở hơn, sắm thêm một số đồ đạc và má nó có đeo một sợi dây chuyền... Chớ ba nó thì vẫn còn lết-đệt ở cấp binh nhì, loại binh nhì dùng sai vật trong văn phòng, đơn vị.

Nhờ đi học, con Mén mới biết nó tên thật là Loan. Hôm đưa nó vào trường, ba nó dặn: “Khi nào cô giáo điểm danh, kêu Lê-thị-Loan thì con hô lớn lên có mặt. Nghe con!” Nó ngạc nhiên: “Ủa? Con tên là Mén mà!” Ba nó phải giải

nghĩa rằng Loan là tên trong còn Mén là tên ngoài, ra đường mình lấy tên ngoài chớ vào trường là phải lấy tên trong vân vân... Đối với nó, ngoài trong gì lộn xộn quá. Nó chỉ biết rằng tên Loan nghe thật dễ thương nhưng lạ hoắc, còn Mén thì thật là quen tai. Tuy nhiên, có cái tên dễ thương, nó cũng nghe lòng phơi phơi.

Nhờ đi học, con Mén hết ở trần, hết đi chân đất, nhưng tóc vẫn hớt bom-bê cao. Nó đội nón vải có bo như tai bèo, mặc áo trắng tay phùng quần dài đen, chân mang dép Nhựt. Bây giờ, thật sự nó mới có nét con gái! Ba nó nhìn nó trù mẩn: “Mẹ họ! Con gái của ba coi cũng đặng ớn!” Rồi ba nó hôn nó đầy mặt. Nó rút cổ lại vì nhột, cười khúc-khích. Tình thương đầu đó bỗng trào dâng miên man. Giống như nước triều lên ôm xóm Bộng, âm-thầm nhưng thật là chan-chứa.

Con Mén càng lớn, ba nó càng cưng nó nhiều. Bởi vì nó thông minh, học giỏi. Và bởi vì nó mang nhiều nét của bà nội nó. Ba nó thường nhìn nó, nói: “Thứ gì mà giống bà nội như in!” Điều mà ba nó không để ý là con Mén còn giống bà nội nó ở chỗ hay chửi đồng “Mồ tổ cha nó!” mỗi khi nó bực mình chuyện gì. Có lẽ tại vì nó chửi lăm-bầm nên ba nó không nghe.

Mấy anh con Mén đi học buổi sáng, nó đi học buổi chiều. Thành ra lúc nào trong nhà cũng có đứa học ê a, đứa nằm sắp xuống gạch nắn-nót làm bài. Hầu hết tụi nhỏ trong xóm đều học chung một trường, nên đi và về cùng một lúc, đứa trước đứa sau đi thành một hàng dài. Đến khi tụi nó học bài cũng nghe uỳnh-oang như tiếng ễnh-ương vào mùa nước nổi.

Trưa, con Mén cuốc bộ đi học. Chiều ba nó đi làm về, đạp xe ghé ngang trường rước nó. Những lúc đó nó thấy hãnh diện vô cùng. Ngồi trên bọt-ba-ga, cặp táp đeo lưng lủng ở cổ, hai bàn tay nhỏ nắm lấy dây nịt của ba nó để giữ thăng-bằng, nó nói chuyện huyền-thuyền, hỏi ba nó đủ thứ. Ba nó lúc nào cũng có câu trả lời, cũng góp vào câu chuyện rất hào hứng chớ không phải ậm à ậm ừ. Cho nên, đối với nó, trên đời này chỉ có ba nó là nhứt!

Vậy mà thời gian sau này, ba nó bị cấm trại liên-miên. Nó đành đi học một mình và về một mình. Tối, nó ngủ một mình ên trên võng. Bây giờ nó lớn, nên không gào khóc như thuở nó mới xa bà nội nó. Nó biết xấu hổ, nên úp mặt vào chiếc áo nhà binh của ba nó âm thầm khóc rầm-rút. Rồi một lúc nó cũng ngủ

thiếp đi, ôm chiếc áo như ôm lưng ba nó vậy.

*

Việt Cộng tràn về chiếm hết miền Nam. Mấy ngày cuối cùng của tháng tư 75 thật là kinh hoàng. Thiên hạ rần rần, nhốn nha nhốn nháo. Ba con Mén chạy bộ về đến nhà, mồ hôi mồ kê, mặt xanh như tàu lá, chỉ mặc có cái quần đùi. Ba nó hỗn hển nói với má nó:

– Mẹ họ! Trong khi lộn xộn, thằng nào nó đớp cha nó chiếc xe đạp của anh, làm anh chạy bộ về muốn tắt thở.

Má nó lo lắng:

– Còn quần áo của anh đâu?

Ba nó nhăn nhó:

– Cởi liệng cha nó rồi. Mặc để Việt Cộng nó bắn thấy tiên tổ à!

Rồi ba nó phun nước miếng cái phụt như phun một cái gì thật đắng. Má nó vội đưa cho ly nước, ba nó cầm lấy, uống ừng ực như người bị mắc xương, mắt lồi ra cảm phần. Không biết Việt Cộng ra sao, nhưng thấy ba nó tả tơi như vậy con Mén cũng phát tức. Nó lăm bằm chửi đồng: “Mồ tổ cha nó!”

*

Ít lâu sau, con Mén đã biết Việt Cộng là gì. Nó cũng bắt chước người lớn, gọi trống là “họ”, chớ không hiểu rằng tiếng “họ” mà người lớn dùng có ý nghĩa mỉa mai cay đắng, bởi vì bây giờ mới thấy giữa “họ” và “mình” có quá nhiều dị-biệt.

“Họ” bây giờ tên là “cách mạng”. Ba con Mén bây giờ bị “họ” gọi là “ngụy quân”. Má con Mén bây giờ lúc nào cũng tự xưng là “vợ ngụy” mặc dù thuộc thành phần công nhân lao động.

Xóm Bộng bây giờ cũng đổi thay bề mặt. Vừa gạo của chú Chành - người Tàu- bị tịch thu để biến thành trụ sở “Ủy ban nhân dân”. Người lạ ở đâu về đó làm chủ tịch, thơ-ký. Chú Năm hót tóc đầu ngô bống thành ông “tổ trưởng”, còn bác Bảy thợ hồ được thiên hạ gọi bằng “tổ phó an ninh”. Chỉ có dân trong xóm vẫn còn là dân trong xóm! Thiên hạ “nhong nhóng” đợi một thời gian coi tình hình ra sao, nhưng rồi ít lâu sau cũng chẳng thấy ai rục rịch dọn về quê về làng. Mong ước bình dị “yên rồi, về quê sanh sống” – một mong ước được chắt chiu nuôi dưỡng từ bao nhiêu năm – bây giờ giống

như bọt nước bờ sông từ từ tan rã. Cái “Ngày mai trời lại sáng” bây giờ thật sự chỉ là một giấc mộng! Thiên hạ thường chép miệng:

– Ở dưới quê họ cũng tịch thu hết rồi. Về làm cái khỉ gì? Ở đâu cũng vậy thôi!

Dân tản cư bồng thấy mình như bị mồ côi, vĩnh-viễn bị cắt đứt với gốc dừa cây cau chậu kiểng. Từ thân chum gỏi họ đã trở thành đám lục-bình. Xóm Bộng mặc nhiên thành điểm tựa để đám lục bình bám vào đó làm một quê hương, đất đứng.

Người trong xóm bây giờ thấy gần gũi nhau hơn. Làm như là không phải dân tứ xứ đến đây, mà như là tất cả đều sanh trưởng ở xóm Bộng. Bây giờ họ mới nhận thấy rằng họ giống nhau từ suy-tư

đến nếp sống, từ cách ăn mặc đến lời lẽ nói năng. Họ không biết rằng biến thiên của thời cuộc đã cho họ có một đối tượng – thế giới cộng sản và con người cộng sản – để nhận-xét và so-sánh. Đối tượng đó bây giờ thật rõ nét, không còn được nguy-trang bởi những mỹ-tử. Cho nên họ nhìn thấy không điểm nào giống họ hết, từ con người đến phong tục tập quán. Tự nhiên, họ cùng đứng về một phía và họ còn thấy cần tựa vào nhau để sinh tồn. Cũng giống như nhà của họ ở: phải xây cất bám vào nhau, kéo cột câu vào nhau, phen vách nối vào nhau để đứng vững. Xóm Bộng chưa bao giờ biết bão lụt, nhưng trong nội tâm người xóm Bộng bây giờ đang bão lụt tới bời...

✱

Ba con Mén đi học tập ba hôm rồi về nằm nhà gác tay lên trán. Má nó vẫn đi làm. Anh em nó vẫn đi học.

Thời gian sau, ba nó cũng kiếm được việc làm ở bến tàu Khánh-Hội, sáng đi chiều về. Đêm đêm, ba má nó thay phiên nhau đi họp phường hoặc họp tổ. Lâu lâu, thằng anh lớn của nó đại-diện ba má ra phòng họp ngồi cho có mặt. Những lúc đó, thấy nó mang theo hoặc quyển sách hoặc cuốn tập để thừa dịp có đèn sáng mà học bài cho ngày hôm sau...

Bỗng một đêm, công an khu vực cầm đèn bấm đưa bộ đội đến bắt ba con Mén dẫn đi. Cả xóm nhốn nháo trong bóng tối. Má nó chạy theo kêu khóc, trượt bờ đê té lên té xuống. Đến đầu ngõ có đèn sáng, ba nó nói với má nó:

– Chắc họ bắt lầm, chứ anh không có làm gì hết. Em yên tâm.

Ở nhà, mấy anh em nó thấp đèn rồi ngồi nhìn nhau mếu-máo. Hàng xóm thay nhau đến ngồi với tụi nó cho đến khi má nó trở về, đầu cổ bơ phờ quần áo lấm lem bùn đất. Họ an ủi má nó, xì xầm bàn tán cho tới khuya mới ra về.

Đóng cửa tắt đèn từ lâu mà con Mén nằm trên võng còn nghe má nó khóc thút-thít. Nó cảm thấy thương má nó, thương ba nó. Rồi nó đâm tức giận mấy thằng công an bộ đội. Kèm không được, nó buột miệng chửi lớn: “Mồ tổ cha nó!” Tiếng của nó lạnh lạnh, sắc bén, rạch bóng đêm như một lưỡi dao lam. Má nó giật mình, ngừng khóc, vói tay mò-mẫm sờ đầu nó. Nó nắm lấy bàn tay áp vào một bên má như muốn chia sẻ niềm

đau. Má nó bỗng nghe bàn tay mình ươn ướt.

Mấy hôm sau, vẫn không thấy ba nó về. Trái lại, công an khu vực đến thăm má nó thường hơn. Và lần nào cũng khuyên:

– Chị cứ yên tâm. Nếu nhà nước xét thấy anh ấy không có nợ máu với nhân dân, anh ấy sẽ được thả về thôi. Ta sáng suốt chứ không ác ôn như ngục đầu, chị ạ!

Ít lâu sau, có tin ba con Mén bị đưa đi học tập cải tạo ở đâu ngoài Trung. Má nó khóc hết nước mắt. Tên công an khu vực lại đến nhà khuyên:

– Đi học tập chứ đi tù đâu mà chị sợ. Cứ học tập tốt là được về ngay thôi. Yên chí!

Thoáng nghe như vậy, con Mén tức càn hông. Nó nhìn tên công-an chỉ có nửa con mắt!

*

Má con Mén bị “họ” cho nghỉ việc. Gọn như liệng một món đồ vô dụng vào sọt rác! Tên thủ trưởng gọi má nó vào văn phòng, nói bằng một giọng trắng nhách như vô:

– Tập thể đã nhất trí cho chị nghỉ việc ngay từ bây giờ, bởi vì chị không còn đủ điều kiện để phục vụ nhân dân nữa. Chị lấy hết đồ đạc của chị rồi đi về đi.

Đồ đạc là cái áo, cái khăn lông, cái nón lá và đôi dép cao su đúc. Một tên an ninh đi theo đến cổng, dặn:

– Chị đừng trở lại đây làm gì nữa. Không tốt đâu.

Má nó lằm lủi đi, chẳng nói chẳng rằng. Cũng chẳng nhỏ một giọt nước mắt. Bởi vì má nó đã chuẩn bị tinh thần từ ngày biết tin ba nó đi học tập cải tạo. Dưới chế-độ cộng-sản, đã là vợ con của “ngụy” là phải biết dọn mình chịu đựng sự kỳ thị của kẻ cầm quyền...

Khi má con Mén về đến nhà thì tụi nhỏ đã đi hết, đứa đi học, đứa đi lao-động trong trường. Má nó bèn dọn dẹp đồ đạc rồi nấu cơm một cách thản nhiên như chẳng có gì xảy ra hết. Bình thường, má nó không về giờ này, nên hàng xóm để ý. Vài người chạy sang hỏi han như trong gia đình:

– Bộ có chuyện gì sao mà má con Mén về nhà giờ này vậy?

Hỏi, nhưng trong lòng họ đã đoán ra câu trả lời hết chín phần mười. Má nó cũng nghe an ủi:

– Dạ thì họ đuổi chớ sao! Ngụy mà! Kể số gì?

Rồi má nó cười thật mĩa mai. Một bà già phát tức, phun cốt trầu cái phệt:

– Hứ! Cái giống gì mà thiệt vô nhân đạo. Người ta đã nghèo, một thân một mình làm nuôi bấy con mà cũng đuổi cho đành!

Một bà khác thêm vào:

– Thôi đi! Nói gì cái thứ đó! Mồ ông mả cha của tụi nó mà tụi nó còn coi không ra gì thì nói chi tới bà con mình.

Nghe mấy tiếng “bà con mình” bỗng nhiên má con Mén mũi lòng, chảy nước

mắt. Từ ngày bỏ xóm Cầu Ngang tạm cư ở xóm Bộng này, mặc dù có chồng con ở một bên, má nó vẫn nghe bơ-vơ lạ-lùng. Má nó thấy thiếu con kinh đào bờ đê thẳng tắp, thiếu chiếc cầu gỗ nhón cao chân dài, thiếu màu vàng ruộm lúa, thiếu mùi thơm bông cau, thiếu họ-hàng ruột thịt... Những thứ mà má nó đã thờ từ những hơi thở đầu đời. Những thứ mà má nó đã nhìn từ khi nụ nhìn biết phân biệt. Tất cả, tất cả đã trở thành nhịp sống của chính bản thân của má con Mén. Mất đi những thứ đó, má nó cảm thấy như bị tách biệt ra khỏi cuộc đời này...

Xóm Bộng tuy hiền, nhưng trước đây người cùng xóm đối xử với nhau còn nhiều dè dặt, ít qua lại với nhau, gặp nhau chào hỏi xã giao lấy lệ. Do đó, mặc dù sống trong xóm nhỏ đông người, má con Mén vẫn thấy như mình sống lẻ loi

giữa đồng giữa ruộng. Niềm đau đó má nó chìm sâu trong nội tâm từ bao lâu nay, bây giờ mấy tiếng “bà con mình” thật chất-phác nhưng thật gần gũi, thật đậm đà tình lân lý, đã mở ngõ khơi nguồn. Má nó khóc mà nghe lòng thật ấm cúng và cũng thật là thên thang trải rộng. Giống như ruộng lúa xóm Cầu Ngang được ươm vàng dưới nắng, cuối mùa mưa...

*

Biết thân phận mình không làm sao tìm được việc làm ổn định, dù làm phu quét đường đổ phân, má con Mén cầm thể một mớ nữ trang quần áo rồi đi buôn đầu chợ bán cuối chợ. Tưởng giống như ngày xưa ở dưới quê, té ra thật là chật vật. Ở đây và bây giờ, có một trăm người bán

nhưng không có một vạn người mua. Quá nhiều người bán bởi vì những người này một số không chịu đi làm cho chế độ, một số bị chế độ sa thải đành buôn bán lắt nhắt để kiếm sống. Quá ít người mua bởi vì thiên hạ không còn tiền...

Anh em con Mén cũng đã nghỉ học, ở nhà giúp má tụi nó bằng cách đi bươi đồng rác lượm ve chai, giấy vụn, bao ni lông... Má con Mén cắt bao bố tời may lại thành túi nhỏ cỡ bằng ba giỏ đi chợ, có hai quai để tụi nó mang vào vai vào cổ. Mấy đứa lớn mang ba túi mỗi đứa, mấy đứa nhỏ tùy bữa mà đeo khi một khi hai. Đứa nào cũng cầm một que sắt đầu uốn cong như cái móc. Thằng lớn hay đùa:

– Tụi mình bây giờ thành Cái Bang hết. Tao là trưởng lão ba túi, còn tụi bây là đệ tử. Mỗi ngày tủa ra đi hành hiệp

trên mấy đồng rác thành phố Hồ Chí Minh quang vinh!

Rồi tụi nó cười vui như chẳng biết phiền lụy là gì.

Má con Mén thì khác. Ưu tư nằm ngay trong ánh mắt nụ cười. Những đêm trần trọc đã đào sâu đôi má. Càng ngày, con người càng héo hon. Tuy nhiên, chẳng bao giờ nghe má nó mở miệng than một lời. Thấy tội nghiệp, hàng xóm thường qua thăm mẹ con con Mén để phụ tụi nhỏ lựa ra và xếp riêng thành đồng miếng chai theo miếng chai, ni long theo ni long, giấy theo giấy.v.v... Lâu lâu họ cũng mang cho vài khúc mía, trái dừa hoặc mấy nhúm tôm khô. Có gì cho nấy, không còn nề hà dở ngon hay nhiều ít. Má con Mén đều nhận hết, không bao giờ từ chối đẩy đưa. Bây giờ, làm như là người ta sống thật tình với nhau hơn hồi

trước. Làm như là thiên hạ cần có nhau như hơi thở cần cho cuộc đời. Có lẽ bởi vì họ đã mất tất cả những gì họ đã có, bây giờ họ chỉ còn lại có nhau thôi...

Lần hồi rồi má con Mén cũng phải bán đi chút đỉnh đồ đạc trong nhà để đủ có miếng ăn cho lũ nhỏ. Lúc này tụi nó lớn thấy rõ, mặc dù ăn uống kham khổ. Mấy bà hàng xóm thường nói:

– Trời sanh, trời nuôi.

Mà thật, tới con Mén cũng cao lên, tuy vẫn còn gầy. Tay chân hơi ghẻ lở nhưng gương mặt vẫn kháukhinh nhờ mái tóc vẫn hót bom-bê cao. Nó không chịu để tóc dài. Mỗi lần má nó đề nghị: “Để tóc dài đi con cho nó thành con gái” nó lắc đầu nguầy nguậy, tóc bom-bê xòe ra như rẽ quạt: “Nực thấy mồ...” Mấy hôm đầu đi bươi rác, nó còn mang dép

Nhật. Sau đó, nó lượm một mớ giày Bata rách mũi, chọn được hai chiếc vừa chân thì một xanh một vàng. Nó mang vào, hí hửng: “Kệ nó! Khác màu như vậy khỏi sợ chúng nó ăn cắp”. Rồi nó đem đôi dép Nhật rửa sạch, cất kỹ. Không ai hỏi, nhưng nó vẫn giải thích: “Để dành mai một có đi học lại, có mà mang”. Nghe nó nói, thằng anh hai nó nhìn nó rất lâu, bồi hồi xúc động. Anh nó nhận thấy con Mén không còn là con nít nữa.

*

Má con Mén có một người chị ruột tên Ánh – Nguyễn Thị Ánh – hồi đó nấu bếp cho vợ chồng một ông Tây. Khi gia đình ông này dọn về xứ, chị Ánh cũng đi theo họ rồi ở luôn bên đó. Ít lâu sau, có tin chỉ lấy chồng người Pháp rồi hai vợ

chồng đưa nhau qua làm ăn ở Phi Châu. Chỉ cũng đã vào quốc tịch Pháp và đổi tên là Anne – bà Anne Brioude.

Khi má con Mén bắt đầu cạy gạch bông nền nhà lên bán để độ nhật – thằng anh con Mén nói “hết ăn tử tới ăn rương, bây giờ tui mình ăn tới gạch!” – thì chị Ánh ở bên tây về kiểm thăm. Ông chồng khuyên không nên về sợ gặp khó khăn, nhưng chỉ vẫn quyết định:

– Tôi phải về kiểm tui nó coi ra sao. Nghe nói bây giờ bên Việt Nam dân chúng đói khổ lắm.

Rồi chị mua thật nhiều hàng vải quà cáp làm như gia đình chị bên nhà còn rất đông. Thật ra, chị Ánh chỉ còn có má con Mén là ruột thịt, nhưng mười mấy năm xa cách đã làm cho tình thương trong lòng chị thật menh mông, không

bờ không bến, đến độ chị không đo lường được nữa không phân biệt được nữa đâu là tình thương em đâu là tình thương quê hương...

Về Sài Gòn – chị Ánh vẫn gọi là Sài Gòn vì thói quen – chị ở khách sạn Hữu Nghị. Ngày ngày chị đi dò hỏi tin tức má con Mén, từ những người quen xa xa chỉ qua những người cùng gốc ở Cầu Ngang nhưng đã lên làm ăn ở thành thị từ trước... Cứ phăng lần phăng lần rồi chị Ánh cũng tìm ra xóm Bộng. Đến đây, chị gặp một trở ngại lớn: người trong xóm không biết ai tên là Nguyễn Thị Hoa hết. Chị giải thích dài dài:

– Nó nhỏ nhỏ con, người tròn trịa trắng trẻo, năm nay chừng bằm mấy chớ chưa già lắm.

Chị tả hình dáng của người em gái cách đây đã mười mấy năm, cái thời mà hai chị em còn ở dưới quê, trưa trưa hay ra ngồi trên cây dừa bắt ngang đường nước, thọc chân trong nước mát, đông đưa kể chuyện tâm tình... Hình ảnh đó, chị đã mang đi và giữ vẹn cho đến bây giờ, quên mất là thời gian đã đi qua và nét đời đã bị bôi đi vẽ lại! Không ngã lòng, chị tìm cách nói với mấy bà già trong xóm:

– Cháu tên là Nguyễn Thị Ánh, con em cháu tên Nguyễn Thị Hoa. Tụi cháu dân ở Cầu Ngang, miệt dưới...

Địa danh Cầu Ngang đã giúp mấy bà nghĩ ra má con Mén. Một bà hỏi:

– Có phải cô đó có bốn đứa con không?

Chị Ánh mừng rỡ:

– Đúng rồi! Người ta nói nó có bốn đứa con, ba trai một gái!

Bà già gật đầu:

– Vậy là má con Mén rồi!

Trước khi chỉ đường, bà trách nhẹ:

– Kiểm má con Mén thì nói kiểm má con Mén! Cô cứ nói Nguyễn Thị Hoa hoài, ai mà biết ai!

Vậy là hai chị em gặp nhau. Gặp nhau thật là ngỡ ngàng. Quá nhiều thay đổi để nhìn ra nhau ngay và xa cách đã quá lâu nên tình cảm bị chìm sâu trong tiềm thức. Phải một vài giây im lặng để tìm lại những nét cũ trên gương mặt bây giờ và để những tình cảm bị bỏ quên từ ngày xưa được trả về với hiện tại. Sau

phút ngỡ ngàng hai chị em ôm chầm lấy nhau, khóc nức-nở.

*

Chị Ánh đã quyết định: gia đình con Mén phải qua Phi Châu ở với chỉ. Nhìn tay chân ghẻ lở của bảy cháu, nhìn gương mặt già trước tuổi của đứa em, chị nghe bất nhẫn vô cùng. Chị nói:

– Không được! Ở lại đây tụi bây cùi luôn, ngu luôn. Qua bên tao lo cho hết. Còn ba tụi bây, từ từ rồi tính sau.

Rồi chị sắp đặt:

– Chị để lại một mớ tiền, em lo liệu cho mấy đứa nhỏ và đi thăm nuôi chồng em. Chừng chị về bên đó, chị sẽ gửi tiếp thêm để em chạy lo giấy tờ. Tồn bao

nhiều thì tốn, nhưng phải đi khỏi xứ này gấp.

Má con Mén như người không biết lội vừa chìm xuống nước ngoi lên ôm được cái phao, nhìn trời cao lồng lộng bên trên mà cảm nhận cuộc sống này vẫn còn có lối thoát.

Chị Ánh trở về Pháp. Tụi nhỏ vẫn tiếp tục bơi đồng rác ngày ngày để dừng ai để ý. Má con Mén chạy chọt dò dẫm rồi cũng tìm ra trại học tập của chồng.

Lần đi thăm nuôi đầu tiên, con Mén có đi theo. Thấy ba nó gầy nhom, nó rớt nước mắt. Má nó kể chuyện dì Ánh cho ba nó nghe, ba nó vừa ngạc nhiên vừa mừng rỡ. Nhưng khi nghe hỏi ý kiến về vụ cho mấy đứa nhỏ sang Phi Châu, ba nó bỗng im lặng nhìn ra bìa rừng làm như câu trả lời nằm ở đâu ngoài đó. Một

lúc sau, ba nó nói, thật trầm tĩnh:

– Ờ... tính như vậy cũng được. Cho mấy đứa nhỏ nó có tương lai...

Rồi ba nó cầm lấy hai bàn tay nhỏ của nó, vừa bóp nhẹ vừa nhìn nó thật lâu. Nó cũng nhìn ba nó: chưa đầy một năm mà ba nó già đi nhiều, mắt sâu xuống, gò má nhô lên, râu tóc rối bời... Ba nó đã làm tội tình gì mà “tụi nó” đày đoạ ba nó ra như vậy? Rồi nó nhìn ra mấy thằng bộ đội đứng lơ-ngơ ngoài kia, môi nó mím lại, mắt nó lồi ra: nó muốn lấy que sắt cào bơi “tụi nó” tả tơi như nó nó đã cào bơi mấy đồng rác! Từ đó, con Mén biết thế nào là hận thù...

*

Dì Ánh đã gọi về đầy đủ giấy tờ, má con Mén cũng đã nạp hồ sơ xin xuất cảnh qua Côte d'Ivoire (Phi Châu). Nhờ có tiền gọi về, má nó chạy chọt dứt lốt nên cũng không gặp nhiều khó khăn. Cho đến ba con Mén bây giờ cũng được các cán bộ dành nhiều dễ dãi.

Thời gian qua mau, mới đó mà đã hai năm mấy. Khi ba con Mén được thả về thì mẹ con tụi nó chỉ còn chờ ngày lên máy bay. Ba nó về mà có cảm tưởng như được đặc cách cho về để đưa vợ con đi vậy. Bởi vì, sau đó, ba nó vẫn sẽ phải sống chật-vật một mình trong một vùng kinh-tế mới nào đó, và tuy không còn ở trong trại nhưng vẫn ở lại trong xứ thì cũng giống như bị giam trong một trại tập trung khổng lồ.

Ngày ba nó trở về, căn nhà nhỏ bỗng trở nên quá nhỏ để tiếp những người

hàng xóm. Ai cũng mừng cho gia đình con Mén, mừng thật sự, bởi vì đối với họ, ba con Mén là người của đại gia đình xóm Bộng. Vậy mà cái đại gia đình đó vẫn chưa ai hay rằng tụi con Mén sẽ bay đi tìm sống tự do ở một chân trời khác. Bởi vì má con nó luôn luôn giữ kín chuyện này, cũng như mọi người đang lo xuất cảnh hay toan tính vượt biên, chẳng một ai dám hé răng.

Bây giờ, con Mén lớn rồi, nên nó để cái vồng cho ba nó nằm. Nó săn sóc ba nó từng chút: lấy khăn lông nhúng nước cho ba nó lau mặt, nấu trà cho ba nó uống, bới cơm cho ba nó ăn. Mẹ con nó ngồi dưới đất vây quanh vồng để nghe ba nó kể chuyện cải tạo đầy khổ nhục. Ba nó bây giờ hút thuốc rê như ống khói. Ba nó thấy bấy nhỏ nhìn mình chăm chú, nên mỉm cười phân trần như tự bào chữa:

– Hồi đó ba đâu biết hút thuốc. Rồi trong trại, phần vì lạnh, phần vì buồn, bạn tù chia nhau điếu thuốc rê. Riết rồi ghiền luôn, bỏ không được.

Con Mén nghe thương ba nó vô cùng. Nó muốn nhào lại ôm ba nó để chia sẻ nỗi đau đó tháng năm chồng chất bằng nỗi lạnh buồn đau. Nó muốn nhào lại cầm tay ba nó đặt lên một bên má của nó, rồi an ủi ba nó bằng những lời lẽ thật là dịu thật là ngọt. Nó muốn... nó muốn... Nhưng, không hiểu sao nó vẫn ngồi yên nhìn ba nó mà ghen ngào chảy nước mắt. Có lẽ nó tự nhận thấy bây giờ nó không còn là con nít nữa.

*

Bữa đi phi trường thật là tội nghiệp. Cả nhà len lén đi, không dám chào ai hết. Gọi là đi chánh thức nhưng giống như là đi trốn, đi chui. Má con Mén dặn dò mấy đứa nhỏ thật kỹ lưỡng, rồi kết luận:

– Sợ bà con biết rồi ba con buồn, hiểu chưa?

Nếu bà con biết thì có lẽ bà con sẽ buồn thật. Không phải chỉ buồn vì xa tụi con Mén, mà còn buồn vì số phận hẩm hiu của mình, bởi vì không phải ai cũng được may mắn như gia đình con Mén. Điều mà má nó không nói ra là trong thâm tâm má nó rất ái ngại khi phải bỏ xóm Bộng ra đi. Má nó thấy mình giống như lính đào ngũ trong khi bạn đồng đội đang gan lì chịu đựng. Ngồi trên xe đi phi trường mà má con Mén cứ lâu lâu lại thở dài...

Phi-trường đông thật đông, Người đi không có bao nhiêu mà người tiễn đưa thì thật là nhiều. Kẻ đi người tiễn nào mắt cũng mọng đỏ. Họ đã khóc đâu từ hồi còn ở nhà hay từ hồi còn trên xe, đến đây còn thấy có người khóc tiếp. Dĩ nhiên buổi tiễn đưa nào cũng buồn, nhưng tiễn đưa mà biết rằng vĩnh viễn không gặp lại nhau nữa thì buổi tiễn đưa đó mới thật là đau đớn. Nó cũng giống như đi chôn người thân, cho nên có nhiều người ôm nhau khóc thật thảm thiết. Người đi cũng như kẻ ở đều chết điếng trong lòng. Lời nói chỉ còn là nước mắt.

Mấy anh em con Mén lần lượt ôm ba tụi nó, khóc như mưa bắc. Con Mén được ba nó ôm sau cùng, ôm thật lâu... Ba nó siết chặt nó vào lòng mà nghe như có cái gì trạo trực từ lồng ngực đưa lên

cổ. Ba nó nhắm nghiền mắt lại, nuốt xuống như nuốt liều thuốc đắng.

Đến khi ba nó hôn nó lần cuối thì nước mắt ở đâu bỗng trào ra như suối. Trong một khoảnh khắc, người đàn ông quê mùa cục mịch đó bỗng nghe thân xác của mình tan ra thành nước, bỗng thấy tất cả đều nhòe nhoẹt tối đen mà mình thì đã chết đi, chết hẳn. Thời gian như ngừng lại rất lâu...

Rồi cũng phải buông rời nhau ra để thực sự nhìn nhau lần cuối. Những người tiễn đứng thành hàng dài, còn ráng chồm qua hàng rào ngăn cách để nắm níu người đi. Chỉ trong vài giây ngắn ngủi đó, tất cả đau thương cô đọng lại thành tiếng nấc, rồi người ta khóc to lên không còn cần giữ ý tứ gì nữa. Giống như lúc liệm nằm đất lên mặt quan tài nằm sâu

dưới huyệt. Ở đây, đúng là “người đi” đi vào một thế giới khác.

Ba con Mén nhìn theo vợ con bước vào bên trong, khoảng cách không có bao nhiêu nhưng sao thấy xa mút như đầu con kinh đào ở xóm Cầu Ngang. Con kinh đào mà thuở ấu thơ ba nó đã từng nỏ đùa tắm mát bây giờ cũng xa lắm nhưng còn có ngày ba nó nhìn thấy lại, chớ vợ con thì...Ba nó ngừng suy tư ở đó để vẩy tay lần cuối trước khi vợ con bước qua khuôn cửa kiếng. Cánh cửa đóng lại khô khan như gương mặt mấy thằng công an đứng gần quanh đó, đứng dưng như chẳng có chuyện gì xảy ra! Trong phòng đợi, con Mén lẩm nhẩm đánh vần khẩu hiệu được vẽ to trên tường bằng sơn đỏ: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”.

*



Tôi quen con Mén ở Abidjan, thủ đô xứ Côte d'Ivoire. Má nó đưa anh em nó lại để học Pháp văn với tôi, cùng với những đứa con của mấy gia đình tỵ nạn khác.

Con Mén bây giờ không còn “mén” nữa. Nó tròn trịa ra, đôi má phình phính hồng. Tóc bây giờ đã để dài chấm vai, đuôi tóc quớt quớt.

Khi đã quen thân, con Mén tỉ tê kể cho tôi nghe từng mẩu chuyện nhỏ trong

cuộc đời của nó, nhớ đâu kể đó, không thứ tự lớp lang. Nhưng phần lớn, chính má nó kể lại, tỉ mỉ hơn, nhứt là đoạn nó còn nhỏ.

Những lúc con Mén kể chuyện, mặt nó tươi ra, rạng rỡ, mắt nó ngời lên tinh anh. Và khi nó nói về ba nó, nó không thiếu một chi tiết. Lâu lâu nó ngừng lại để chêm vào:

– Cũng tại tụi Việt Cộng hết!

Đến những đoạn bi thảm của ba nó, có khi nó ngừng kể, mắt nó đầy căm thù, tiếng nó bị nghẹn lại trong răng. Tôi đoán nó đang chửi thề: “Mồ tổ cha nó!”

Một hôm, nó nói với tôi:

– Bác Hai nè! Bác đừng nói với ai hết nghe. Con muốn nhờ bác dạy con chữ

quốc ngữ nữa. Hồi đó con mới học hết lớp một rồi nghỉ học luôn tới giờ nên con còn dốt lắm!

Rồi nó chớp chớp mắt, giọng nói bỗng trở nên triu mến:

– Con muốn học quốc ngữ để con viết thơ cho ba con...

Câu nói đó đã làm tôi xúc động đến ứa nước mắt!

Từ bao lâu nay, người tỵ nạn chỉ nhờ tôi dạy Anh văn hay Pháp văn. Đây là lần đầu tiên trong đời lưu vong, tôi được người nhờ dạy quốc ngữ. Lại là một cô gái nhỏ. Và cô học chỉ để viết thơ về cho cha cô ở Việt Nam! Giản dị như vậy. Vậy mà sao tôi có cảm tưởng như tôi vừa được nhắc đến quê hương, nhắc bằng chữ i, chữ tờ... Và được thấy lại một nét quê

hương qua hình ảnh người con muốn viết thơ về cho cha vì vẫn không muốn cắt lìa cuống rún!

Tôi nhìn con Mén mà thấy thương thấy quý nó vô cùng. Nó không hiểu cái nhìn của tôi nên gật gật đầu, lập lại:

– Con muốn viết thơ cho ba con.

Tôi cầm hai bàn tay nó bóp nhẹ:

– Ờ... Bác sẽ dạy con... Bác sẽ dạy con...

Trên gương mặt phình phính của con Mén, nở ra một nụ cười rạng rỡ. Chắc nó đang nghĩ đến ba nó, đến cái ngày mà nó có đủ chữ đủ câu để nắn nót viết cho ba nó những bức thư dài...

Ở Abidjan không có sách giáo khoa Việt Nam. Tôi phải nhờ một người bạn

ở Paris mua gỏi sang. Từ đó, ngày ngày tôi dạy riêng con Mén mà có cảm tưởng như chính tôi đang đi học lại.

Bây giờ, tôi thấy quý vô cùng những chữ la-tinh mang móc câu, để trở thành chữ ư chữ ơ, đội nón úp nón ngựa để trở thành chữ â chữ ă, kéo theo mấy dấu lằn quăn nằm dưới nằm trên... Bởi vì nhờ có chúng nó mà cha con con Mén vẫn thấy được gần nhau mặc dầu ở xa nhau cách nửa địa cầu. Bởi vì nhờ có chúng nó mà tôi đã khám phá ra con Mén: một đứa gái nhỏ tuy tỵ nạn bao năm ở xứ người mà trong lòng vẫn còn giữ nguyên hình ảnh của xóm Bộng, của Sài Gòn, của Việt Nam...

Tiểu Tử

CON SỐ 3

Phiếm của Tiểu Tử



Trong mấy con số từ 1 đến 10 con số 3 là đặc biệt nhất vì nó lúc

nào cũng thấy có mặt trong cuộc sống hằng ngày. Đây ví dụ bà Hai cúng Phật: bàn thờ Phật được gọi là “Ngôi tam bảo”, trên bàn thờ có bộ ba “lư hương và hai chân đèn”, có ba chung nước, bà Hai xá ba xá rồi lấy ba chung nước đem đi lau rồi cho nước mới vào mang lại đặt lên bàn Phật, thắp ba cây nhang chắp vào hai bàn tay xá ba lần mới cắm nhang vào lư hương, xong là xá ba xá mới gõ ba tiếng chuông rồi quỳ xuống lạy ba lạy, đứng lên xá ba xá hướng về bốn hướng. Đó: chỉ việc cúng Phật mà đã có biết bao nhiêu lần ba!

Trong ngôn ngữ thông thường, để nói về một người không đứng đắn, người ta gọi người đó là “thằng ba trợn, thằng ba xạo, thằng ba que xỏ lá, thằng ba gai, thằng ba búa...”.

Trường hợp hơi gấp cần gấp nhau

để “nói ba điều bốn chuyện rồi đi!”. Lỡ gặp bữa cơm thì “ăn ba miếng rồi đi”. Bữa nay ngày rằm mà không có cơm chay. Thôi thì “và ba miếng cơm lạc trước khi ăn cũng được”.

Thông thường, nhà xưa có nền hơi cao nên phải bước lên tam cấp để vào nhà! Ngôi nhà có ba gian hai chái với hàng ba rộng. Trong bếp có ông Táo là ba cục đất hoặc ba viên gạch. Theo truyền thuyết đó là “một bà và hai ông”. Họ như vậy mà vẫn chịu nổi sức nóng của lửa củi! Hay quá!

Đàn bà đi chợ, cho dù món hàng chỉ có đôi ba đồng, họ vẫn trả giá đôi ba lần. Để khỏi bị hốt! Cuộc sống của họ dính liền với “ba cục ba đồng” đó mà!

À! Nhân nói về đàn bà mới nhớ ra theo truyền thống, họ phải chịu nếp

mình vào “tam tùng tứ đức”. Kẹt lắm chứ không phải chơi đâu! Trong lúc đàn ông thời xưa có “năm thê bảy thiếp” thì đàn bà thời nào cũng chỉ “chính chuyên một chồng”!

Trên đây là nói về dân dã. Thử nhìn qua cuộc sống của một ông vua coi ra sao bởi vì ông là “đối lập” với nhân dân!

Đầu tiên, ông đi đâu cũng có “tiền hô hậu ủng”, có tới “ba đạo quân” đi theo bảo vệ ông! Cho nên khi nghe trên sân khấu ông vua kêu lớn “Tam quân” là nghe dạ rân rân trên đó! Oai như vậy!

Khi ông vua giận kẻ “phản động” nào là ông ra lệnh “tru di tam tộc” kẻ đó. Ghê chưa! Bằng không thì ông cho “Tam ban triều điển” để phạm nhân tự xử: đó là chén thuốc độc, sợi dây để thắt cổ và con dao nhọn để đâm vào bụng.

Chỗ ở của ông vua không phải là loại vi-la mà là một “tam cung lục viện”, mỗi viện ổng cấp cho một cô gái đẹp. Mỗi cô này có trách nhiệm “phục vụ” ổng! Sướng vậy đó! Và nơi này không ai được vô nên được gọi là “Tử cấm thành”, trong đó có tất cả những gì để ông vua tiêu khiển, tránh cho ổng khỏi đi lang bang ra ngoài nguy hiểm!



Nhắc đến chuyện vua chúa, không

quên hồi thời đó thường hay đọc truyện tàu. Có truyện “Tam Quốc” đọc cũng mê! Trong truyện Tàu có những nhân vật làm người đọc khó quên. Tỉ như: ba người kết nghĩa đào viên (Lưu, Quan, Trương), tỉ như Lưu Bị tam cố thảo lữ, ba lần đến đứng trước cửa nhà Khổng Minh để cầu hiền, tỉ như ông Trình Giảo Kim nằm mơ thấy Tiên Ông giạy võ công với cái búa bửa củi. Đang học bổng ông ta giật mình thức dậy và chỉ nhớ có ba đường búa, tỉ như Quan Công Hầu quá ngũ quan (hai cộng ba) trăm lục tướng (ba lần hai)... vân vân và vân vân...

Cha! ... Con số 3 nó hành tôi từ đầu câu chuyện làm tôi muốn... đo ván! Thôi, ngừng đây nhen! Bái bai!

Tiểu Tử

Đám cưới ngày xưa

Ngày xưa' ở đây là thời tôi còn nhỏ – những năm 1935/40 – Tôi muốn kể lại một cái đám cưới ở quê tôi thời đó, để thấy hình ảnh thật thà dễ thương của Việt Nam hồi chưa bị ... ô nhiễm chất ngoại lai!



Bên đằng trai là ông Cả làng Bình Trước. Vì ổng thứ bảy nên thiên hạ gọi là ông Cả Bảy để tránh kêu tên. Làng này nằm cách tỉnh lỵ mười lăm cây số. Bên đằng gái là ông Cả làng Thới An nằm ngay trong thị xã. Người ta gọi ổng là ông Cả Dừa, vì ổng có vừa buôn bán dừa khá lớn trong vùng. Cũng là 'Ông Cả' hết, nhưng ông Cả Thới An vẫn oai hơn ông Cả Bình Trước nhờ dựa hơi vào 'tòa tỉnh', còn ông Cả Bình Trước dẫu không có tiếng nhưng lại có miếng nhờ ruộng vườn màu mỡ minh mông trải dài. Như vậy cũng 'môn đăng hộ đối'!

Chú rể là con trai thứ nhì của ông Cả Bảy. Cậu này – người nhà gọi là Cậu Ba – học hết lớp nhứt rồi ở nhà làm ruộng. Cô dâu là con gái út của ông Cả Dừa, sau tiểu học có đi Sài Gòn học hai năm trung học rồi về phụ người chị Hai bán

vải trong chợ nhà lồng thị xã.

Ông mai là thầy giáo Kiến, nhờ là bà con của hai bên nên mọi sự đều được dễ dàng ... Tuy vậy, ông cũng gặp chút khó khăn khi tính chuyện đám cưới! Nguyên do là ông Cả Dừa đòi đàn trai đến rước dâu ‘bằng một con heo đúng’ – nghĩa là heo sống – Nghe như vậy, ông Cả Bảy nói: “Cũng đúng chứ! Tập tục ông bà để lại làm sao thì mình cứ làm theo y chang như vậy mới là phải đạo!”

Vậy là ông ra lệnh cho người nhà đạp xe vô xóm truyền rao kiếm heo. Mà phải ‘heo lang’ – nghĩa là heo trắng – cỡ trọng trọng ‘kéo không người ta cười mình.’ Nghe tin, mấy chủ heo đem heo tới nhà cho ông Cả lựa. Người ở gần thì cột một chân con heo, dẫn bộ đi ụt ịt. Người ở xa thì cột chùm bốn chân con heo rồi để lên bọt-ba-ga xe đạp chở đi. Sân nhà ông Cả

coi giống như chợ heo với heo đứng heo nằm kêu la eng éc!

Chọn được con heo vừa ý, ông Cả giao trách nhiệm giữ heo cho thằng Đực là cháu kêu ông bằng chú, ông nuôi trong nhà từ nhỏ. Ông Cả giải nghĩa: “Mầy lanh lợi nên tao giao con heo cho mầy chăm sóc. Từ đây đến ngày rước dâu, mầy phải kè theo nó, nuôi vỗ cho nó tươi tắn mạnh dạn, bởi vì nó là lễ vật dẫn đường đám rước dâu, mầy hiểu hôn?” Sau đó, thằng Đực đạp xe xuống trại hòm mời bác Ba thợ mộc chở thùng đồ nghề lên đóng cái cũi để ngày rước dâu khiêng con heo. Mặc dầu bác Ba chuyên đóng hòm nhưng nhờ khéo tay và ‘có con mắt’ nên bác đóng cái cũi có song bằng gỗ tạp coi cũng đặng và khi đẩy con heo vô đúng thử thấy cũng rộng rãi thoải mái.

Sáng sớm ngày rước dâu, thằng Đực tắm rửa con heo sạch sẽ, vừa lau khô ráo thì thấy Chơn – đệ tử thầy Năm Vàng dưới chùa – cũng vừa đạp xe đến, theo lời nhắn của ông Cả, mang theo cái mộc gỗ có chữ ‘Song Hi’ to bằng bàn tay và hộp son tàu. Chắc thầy đã quen làm vụ này nên chỉ một thoáng là thầy đã đóng xong mấy dấu đỏ lên mình con heo lang. Trước khi trở về chùa, thầy dặn: “Đừng cho con heo nằm. Cứ giữ cho nó đứng chừng nửa giờ là son khô hê!” Một lúc sau, thằng Đực lừa heo vô cũi, đóng sập cửa rồi cột lại bằng sợi kẽm nhỏ. Xong, nó đi thay quần áo: quần trắng, khăn đóng áo dài đen chỉnh tề, bởi vì nó sẽ phụ chú Tư Bộn – người gia nhân tin cẩn của ông Cả – khiêng con heo đi đầu đám rước dâu!



Đám rước dâu đi bằng xe ngựa (hồi thời đó xe hơi rất hiếm). Cứ bốn người là chung một cỗ xe, đàn ông theo đàn ông, đàn bà theo đàn bà. Chỉ có chú rể là ngồi riêng một xe với khai trầu rượu và mấy mâm lễ vật. Đặc biệt, xe chú rể được kết bông hoa có tua có tui bằng vải đỏ và bằng bông hoa tươi! Và đặc biệt là con ngựa nào cũng mang dây lục lạc trên đầu trên cổ và ở đỉnh đầu có một chùm lông chim màu sắc rực rỡ. Thành ra, khi ngựa lúc lắc đầu thì lục lạc khua leng

keng và khi ngựa chạy thì lục lạc kêu rộn rền nghe rất vui tai hào hứng!

Giờ rước dâu được ấn định là đúng Ngọ nên ông Cả Bảy đã canh giờ để đoàn rước dâu có đủ thời gian đi hết mười lăm cây số là đến cách nhà đàn gái độ hai mươi thước ngừng lại cho bà con bước xuống xe sửa soạn.

Người lớn trẻ con mấy nhà nằm dọc theo đường chờ đoàn xe ngựa đậu, kéo nhau ra đứng coi, chỉ trỏ. Thấy chộn rộn, mấy con chó cũng chạy ra đường thi nhau sủa rân!

Trong lúc ông Cả và ông mai lằng xằng sắp xếp ai đứng sau ai đứng trước, thằng Đực và chú Tư Bộn đã khiêng cái cũi con heo đặt xuống đường, chờ. Đàng nhà đàn gái có mấy người chạy ra nhìn rồi chạy vô, sau đó một người chạy ra

châm diều thuốc đốt dây pháo treo trên cành vú sữa gie ra ngoài đường. Pháo nổ diếc tai. Bầy chó hè nhau sủa mấy tiếng rồi cụp đuôi chạy trốn! Con heo hết hồn, vừa kêu eng éc vừa nhảy lông lộn làm bể tung cái cũi. Nó phóng ra, chui ngang hàng rào bông bụp nhà bên cạnh, chạy tuốt vô phía sau. Thằng Đực và chú Tư Bộn la chối lói: “Con heo sảy! Con heo sảy!” Mọi người nhốn nháo, cũng la theo inh ỏi! Mấy người đàn bà hết hồn vội vã trèo lên xe ngồi lại như hồi mới tới! Mấy người đang đứng coi trước nhà cũng chạy vào rước theo con heo. Đàn ông trong đám rước dâu đều chạy ủa vô, vừa chạy vừa cột hai vạt áo dài lại cho khỏi bị vướng víu. Nghe vắng ra từ phía vườn cây sau nhà ‘Nó đây! Nó đây nè!’ ... ‘Nó chạy qua sà nước!’ ... ‘Nó kia kia!’ ... ‘Chụp! Chụp!’ ... ‘Nó đó! Nó đó!’ ... Mấy con chó trong nhà chắc cũng rượt theo

nên nghe sữa rân. Rồi chắc có con chó bị ai đập hay bị heo lấy mũi húc nên nghe kêu ăng ăng. Lại nghe ‘Coi chừng nó chui qua nhà thầy Năm. Chận cái lỗ hàng rào lại! Chận lại!’ ... ‘Rồi! Rồi! Xáp vô! Xáp vô!’ ... Sau đó, chỉ còn nghe có tiếng con heo kêu eng éc như bị thọc huyết! Chó cũng thôi sữa, người cũng thôi la. Một lát, thấy thằng Đực và chú Tư Bộn khiêng tòn ten con heo nằm ngửa bằng một đòn tre xỏ giữa bốn chân heo cột thành một chùm! Đi theo sau là những người trong đám rước dâu, người nào người nấy quần áo xốc xếch lấm lem son đỏ và bùn đất!

Ông Cả và ông mai soát lại tình hình để ‘tính tới’ thì thấy thiếu mất chàng rể! Mọi người hết hồn! Lại chạy trở vô khu vườn rước heo hồi nãy, vừa chạy vừa gọi lớn ‘Cậu Ba ơi! Cậu Ba!’ Vườn cây trái

này khá rộng nên nghe tiếng gọi túa ra nhiều chỗ. Bỗng nghe ‘Tui đây! Tui đây!’, rồi có người hỏi ‘Lạ gì trông vậy?’... ‘Tui kiếm cái khăn đóng’ ... ‘Kiếm ra chưa?’ ... ‘Chưa!’ Im lặng một lúc, rồi nghe ‘Đây nè!’ ... ‘Đâu vậy?’ ... ‘Trên nhánh cây mận nè!’ ... ‘Thôi! Đi ra! Lẹ đi! Kéo Cả đợi!’

Thấy đám rước dâu ‘tả tơi’ quá nên bà già chủ nhà mời hết vô nhà ‘uống miếng nước’ và để lau chùi quần áo mặt mày. Thằng Đực và chú Tư Bộn thì khiêng con heo trở vô tắm rửa cho nó bên cái giếng nằm phía sau hè. Họ cũng không quên cho con heo uống nước bằng cái chậu sành để gần miệng giếng. Trong khi đó, ông Cả nhờ bà chủ nhà cho người gọi ông thợ mộc hàng xóm qua sửa lại cái cũi, cũng may chỉ sút đinh sơ sơ thôi!

Xong xuôi, ông Cả mới hỏi bà chủ

nhà: “Thím có biết ai ở gần đây có con dậu Song Hỉ để đóng son tàu lên con heo không?” Bà già trả lời: “Dạ! Để tôi biểu thằng nhỏ ở nhà đạp xe qua chùa thỉnh thầy Ba qua làm vụ này cho!”



Vậy là độ nửa giờ sau, con heo lang mang dậu đỏ đứng yên ổn trong cối và đám rước dâu sắp xếp hàng ngũ chỉnh tề đợi ông mai đi ‘đánh tiếng’ cho đàn gái. Một lúc lâu thấy ống trở lại mặt mày tiu nghỉu: “Họ nói quá giờ rồi, họ không tiếp!” Mọi người đều lắc đầu kêu Trời, chắc lưỡi liên hồi rồi bàn tán góp ý ồn

ào. Ông Cả đá vô cái cối làm con heo giật mình rống lên eng éc. Ông hét: “Thôi! Im hết! Đi đi!” Một con chó đứng gần đó bỗng sủa mấy tiếng làm ông Cả nổi sùng, quay qua đá nó một cái làm nó kêu ăng ăng cúp đuôi chạy thẳng vô nhà! Mọi người đều im re, kẻ trước người sau leo lên xe. Mấy anh đánh xe dẫn ngựa quay đầu lại. Cử động của mấy con ngựa làm lục lạc khua vang. Ông Cả lại hét lớn: “Mẹ bà nó! Tụi bây lột hết lục lạc cho tao! Vui vẻ gì nữa mà nhã nhạp rùm trời!” Từ đây về Bình Trước, chỉ còn nghe tiếng móng ngựa gõ lóc cóc khô khan trên mặt đường nhựa ...

Vài ngày sau, ông mai chạy đi chạy về để dàn xếp hai bên. Cuối cùng rồi cũng êm thấm: lễ rước dâu được ấn định lại vào ngày mười sáu âm lịch tháng tới, nhưng lần này đàn gái không đòi ‘heo

đứng' mà chỉ xin 'một con heo quay', bởi vì ông Cả Dừa nhứt định phải có đốt pháo để ông ăn mừng ngày vu qui của cô con gái út!

Tiểu Tử

ĐẠP XÍCH LÔ

Trung đã cao lớn lại ham chơi thể thao và tập thể dục đều đặn nên anh ta rất “đô” con.

Đi với tụi bạn đồng nghiệp người Pháp hay người da đen, Trung là người Việt Nam mà vóc dạc ngang ngửa với tụi nó. Có đứa nói giỡn: “Thằng này, nó ăn phở không mà nó lớn con như vậy.

Nếu nó ăn bánh mì “xúc xích – phô mai” như mình chắc nó thành ông khổng

lồ quá!”.

Cách đây hai năm, Trung về thăm Việt Nam. Đó là lần đầu tiên anh về. Tôi không có dịp gặp anh để hỏi thăm.



Mãi đến gần đây tình cờ gặp nhau ở khu 13 Paris, anh mới kể cho tôi nghe chuyện về Việt Nam của anh lần đó. Tôi xin ghi lại chuyện nhỏ sau đây...

... Con qua Pháp với ba mẹ hồi con mới năm tuổi, bây giờ về, thấy cái gì cũng lạ!

Cho nên con dành mấy ngày đầu để đi vòng vòng cho biết Sài Gòn. Con nhờ anh tiếp viên của khách sạn kêu cho con một anh xích lô bao chạy một ngày.

Vậy là sáng hôm sau, đúng theo lời con dặn, anh tiếp viên gọi con dậy bằng điện thoại cho hay xích lô đang đợi, đồng thời cho biết luôn số tiền thuê bao.

Con đếm số tiền rồi để riêng vào một túi quần, con muốn tránh móc bóp đếm tiền trước mặt mọi người sợ bọn lưu manh nó giật. Con xuống tới quây thì anh tiếp viên vui vẻ chỉ ra phía trước.

Con cảm ơn rồi bước ra ngoài. Thấy con, ông xích lô đang ngồi chồm hồm trên vỉa hè vội vã đứng lên chấp tay chào.

Tự nhiên, con khựng lại, mặc dù ông ta đang đón con bằng một nụ cười rạng rỡ. Bác biết không?

Ông già khú, ốm nhom, nhỏ xíu. Cái nón vải đen ổng đội, đã rách bươm. Còn bộ đồ trên người ổng, con không biết tả làm sao cho bác thấy. Nó là cái áo bà ba xanh dương vá chằm vá đụp và không còn hai ống tay!

Còn cái quần ka-ki là loại quần dài đã bị xé mất hai khúc ống cỡ ngang đầu gối, một bên cao một bên thấp.

Đó! Ông xích lô của con đó!

Bác coi: con như vậy thì nữ lòng nào lên ngồi cho ông già ốm nhom đó đạp xe đưa con đi.

Mà liệu ổng có đạp nổi một ngày cho con xem chỗ này chỗ nọ không? Con định hồi không đi nhưng nghĩ lại tội nghiệp ông già. Cái cười tươi rói của ổng cho thấy là ổng đang “trúng mồi lớn”.

Con bước lại bắt tay ông, móc túi đưa tiền, nói: “Đây, tiền công của bác trọn ngày nay đây!”.

Ông mừng rỡ, móc trong lưng ra một túi vải miệng có dây rút, run run tay mở ra cho tiền vào. Con hỏi: “Bác không đếm sao?”.

Ông cười, nhìn con:

– Khởi! Hồng lẽ cậu như vậy mà đi ăn gian tui sao?”

Rồi ông xăng xốt chạy lại kèm phía sau xe, mời:

– Cậu lên ngồi, đi!

Con lắc đầu:

– Không! Bác lên ngồi đi, để tôi đạp!

Nụ cười của ông tắt mất:

– Ủa! Gì kỳ vậy?

Con giải thích:

– Tôi như vậy mà để cho bác đạp, coi sao được!

Ông vỗ vỗ lên yên xe:

– Tôi đạp được! Bảo đảm! Cậu đừng lo! Cậu lên ngồi đi!

Con nghĩ chắc ông sợ con chê ông rồi không đi, lấy tiền lại, nên con ôn tồn nói:

– Bác yên tâm. Bác cứ giữ số tiền tôi đưa, rồi lên xe ngồi. Tôi đạp từ từ.

Ông bắt đầu nhìn con nửa ngạc nhiên nửa hốt hoảng.

Để khởi cù cửa, con bước lại đưa hai tay cặp eo ếch của ông nhắc bổng lên đặt vào chỗ ngồi của khách.

Ổng nhẹ đến nỗi cái xe không nhúc nhích! Rồi con trèo lên đạp đi. Ông già cứ nhìn ngược về phía sau, lo lắng:

– Cậu liệu được không cậu?

Con vui vẻ trả lời cho ông yên tâm:

– Được mà... Dễ ợt hà!

Con men theo lề đường đạp chậm chậm để tránh luồng xe chạy ồ ạt trên lòng đường.



Thiên hạ nhìn con chở ông già, cười nói chỉ trỏ. Ông già ngồi không yên, lâu

lâu ngoáy nhìn lại coi con ra sao! Có lẽ vững bụng nên không nghe ổng nói gì hết.

Một lúc sau bỗng ổng la lớn:

– Quẹo mặt! Quẹo mặt! Khúc này cấm xe xích lô!

Từ đó, ổng chỉ cho con chạy:

– Từ từ... Đằng trước có xe đậu. Khi nào kèm bằng chân không nổi thì kéo thẳng ở dưới đó...

Có lúc thấy con xiên xiên định quẹo vô một con đường nằm ngang, ổng la lên:

– Đứng! Đứng! Đường cấm xe xích lô!

.. Và như vậy, con đạp đi loanh quanh, nhìn ngang nhìn ngửa, yên chí

có ông già coi chừng đường nhắc trước con phải làm gì... làm gì.

.. Gần trưa, con tấp vô một quán phở, nói:

– Mình vô ăn cái gì đi.

Ông nói:

– Cậu vô ăn đi, tôi không đói.

Con kéo tay ông để cùng đi vào tiệm, ông rì lại:

– Thôi mà cậu! Tôi lạy cậu mà cậu!

Cậu để tôi ngồi ngoài này giữ xe!

Rồi ông gỡ tay con ra, bước lại về đường ngồi chồm hổm bên cạnh xe xích lô, vắn thuốc hút.

Trong quán, con nhìn ông già mò trong khói thuốc sao bỗng nghe bất nhẫn

vô cùng. Không còn lòng dạ đâu để ăn phở, con kêu tách cà phê uống đại rồi đi ra.

Thấy con, ông quăng điều thuốc, đứng lên vẻ ngạc nhiên:

– Ăn gì mau vậy cậu?

Con nói trở:

– Thấy không ngon nên không ăn.

Rồi con nói tiếp:

– Bây giờ, tôi trả xe lại cho bác đó! Bác cứ giữ nguyên số tiền tôi đưa hồi sáng, đừng thắc mắc. Tôi đi bộ chơi lanh quanh được rồi.

Nói xong con bước đi, lâu lâu ngừng coi cửa hàng này cửa hàng nọ. Thấy ông già cứ đạp xe rề rề đi theo, con bèn gọi một xe Honda ôm đang đợi khách ở ngã

tư đường, trèo lên “ôm” đi thẳng!

Kể xong, Trung hỏi:

– Nhà nước đang có lệnh cấm sử dụng xe xích lô xe ba gác, không biết bây giờ ông già đạp xích lô sẽ sống làm sao, hả bác?

Tôi nói: “Ờ...”

Rồi nín luôn. Một cách trả lời để không trả lời!

Tiểu Tử

Đèn Trung Thu



Sàigòn đang vào Tết Trung Thu. Sàigòn, bây giờ đã được đổi tên. Cũng đúng thôi! Bởi vì “nó” không còn giống cái “Sàigòn” của thời trước, cái thuở mà mỗi món vật mỗi con người đều được nhận diện một cách trung thực, cái thuở mà tiếng nói chưa bị thâm nhập bởi

những “mỹ từ... dao to búa lớn”, cái thuở mà tình cảm còn thật là tràn đầy... Cái tên mới của Sàigòn có hơi... dài, nên sau này, người ta chỉ còn gọi là “thành phố”, vừa ngắn gọn lại vừa hợp... thời trang!

Sàigòn bình thường đã rộn rịp. Vào dịp Tết Trung Thu lại còn rộn rịp gấp bội. Xe cộ – đông nhứt là xe mô-tô, loại sau này được gọi chung là Honda – chạy đầy đường, chạy loạn, tiếng máy nổ điếc tai thêm bóp kèn liên hồi inh ỏi. Quán lều cũng đầy đường. Hàng họ chưng bày cũng đầy đường. Bánh mứt đèn lồng Trung Thu cũng đầy đường. Coi thật là phồn vinh sung túc.

Trong rừng xe cộ đó, có một người đàn ông cỡi xe đạp chở ba đứa nhỏ. Nhìn anh ta là thấy ngay rằng anh ta không “hợp thời”. Anh ta còn đội nón Panama, một loại nón mà thời trước người ta nhập

cảng từ Nam Mỹ. Mặc dù cái nón – vốn là màu trắng – đã ngả màu vàng và vành nón có nhiều chỗ rách tưa..., cái nón đó vẫn thấy lạc lõng giữa phố phường đầy nón cối, mũ tai bèo, nón lá, nón rơm, nón kết. Anh ta còn mặc áo sơ-mi sọc, cổ đứng tay dài, mặc dù sơ-mi bỏ ngoài quần và mang dây nẹp nhẵn vì đã không được ủi. Anh còn mặc quần tây dài màu sậm còn đủ bờ-li và nhứt là còn mang đôi giày da đen mũi nhọn – loại “xịn” – mặc dù giày đen đã ngả màu xám xám vì đầy bụi đất.

Trong lúc mọi người ăn mặc rất tự do, rất... giải phóng, đại loại như áo thun ba lỗ quần đùi dép cao su, hoặc sơ-mi ngắn tay phạch ngực quần pi-da-ma chim cò dép nhứt hoặc những bộ đồ màu xanh cỏ úa rộng thùng thình dép lốp xe... thì lối ăn mặc của anh ta – thật tình – không

đúng “tác phong của thời đại”! Ngay như chiếc xe đạp của anh ta cũng không hợp với rừng xe cộ chung quanh. Nó ọp ẹp cũ kỹ, giống như đã được lắp ráp chắp vá bằng những món đồ góp nhặt được từ những chiếc xe đạp phế thải. Cái giỏ sắt gắn ở phía trước ghi-đong (thường dùng như pọt-ba-ga) đã được cắt xén để trở thành cái ghế ngồi cho thằng bé, đứa nhỏ nhứt trong ba đứa. Còn cái pọt-ba-ga phía sau thì được nối dài ra một chút, mặt được lót ván và phía dưới có hàn hai thanh sắt ngắn để gác chân. Hai đứa nhỏ còn lại ngồi trên đó, đứa lớn ôm đứa bé, đứa bé – vì còn nhỏ quá không ôm được eo ếch của gã đàn ông – nắm chặt lấy vạt áo sơ-mi, nắm bằng cả hai tay...



Trong luồng xe cộ chạy như điên, hối hả, lòn lách... người đàn ông thản nhiên đạp chậm rãi vững chắc dọc theo hè phố. Mấy đứa nhỏ nhìn ngang nhìn dọc, tranh nhau hỏi, tranh nhau nói, lú lo:

– Ba! Ba! Coi kìa! Đèn Trung Thu ở đâu mà nhiều quá hén ba.

– Ba! Ba! Cái gì mà bụi quá xá đằng kia vậy?

– Tại sao ông già ổng ôm cột đèn vậy?

– Sao ông xích -“dô” ổng nằm ngủ trên xe vậy?

– Bộ ở đây người ta đái ở gốc cây được hả ba?

– Cha... Ông này ổng mua tới bốn cái đèn Trung Thu.

– Mình cũng đi mua đèn nữa, hén ba?

Đứa nhỏ ngồi ở giữa, giọng khau khau:

– Anh Việt nói chừng ảnh “dớn” ảnh mua cho con cái đèn máy bay bụi bằng cái nhà ớ!

Đứa lớn ngồi phía sau cười hắc hắc, ôm em nó lắc qua lắc lại:

– Ủa! Mà Nhi phải đừng nói ngọng

mới được. “Lớn” thì nói “lớn”, chớ cái gì mà “dớn” hả?

Đứa nhỏ nhút ngời trong giỏ phía trước, nói chen vào, cũng ngọng trót:

– Anh Nhi ảnh nói “nhọng” “vả” hà. Há ba?

Làm cả bọn cười vang. Tiếng cười của cha con nhà đó hồn nhiên, thanh thoát, bị chìm lấp trong dòng thác tiếng động điếc tai, vừa ô-hợp, vừa khô khan của phố phường đầy người, đầy xe, đầy bụi...

Đến một góc đường khá thoáng, nghĩa là vỉa hè còn có chỗ trống, thấy có một xe đẩy treo dây đèn Trung Thu đủ kiểu đủ cỡ và đủ màu sắc đang nằm gần đó, người đàn ông rà xe đạp vào lề:

– Tụi con coi kìa, đèn Trung Thu kìa!

Để ba ngừng đây cho tụi con xuống lựa nghen!

Mấy đứa nhỏ “ồ” lên sung sướng. Đứa bé nhút bồng vỗ tay cười hắc hắc giống như bị cù léc. Nó la lớn:

– Đèn! Đèn! Đèn! Đèn!

Thả bầy con xuống xong, người cha bảo:

– Tụi con lại đó coi đi! Lựa đi! Ba ngồi đây đợi.



Trong lúc mấy đứa nhỏ vây quanh xe bán đèn lồng, người đàn ông chống chân lên bờ hè, rút ở túi áo sơ-mi một điếu thuốc. Đó là loại thuốc vắn tay (sau cuộc “đổi đời”, vì không còn tiền để hút thuốc loại sản xuất kỹ nghệ nên phần đông dân “ghìen” mua thuốc rê Gò Vấp về trộn với thuốc vàng Lạng Sơn rồi vắn hút. Nhiều người vắn sẵn ở nhà rồi cho vào bao hay hộp mang theo mình cho tiện khi cần đi đâu...). Cầm hộp quẹt máy trong tay lắc lắc cho xăng thấm lên đầu tim, người cha đó hướng về bầu con nói to, khá to, để át tiếng ồn man dại của thành phố:

– Tụi con lựa đi nghen! Lựa đi! Thứ nào cũng được hết! Máy bay, xe tăng, bướm bướm gì cũng được hết! Đứa nào thích thứ nào thì nói cho ba biết. Lát nữa về nhà, ba làm cho y như vậy hà!

Nói xong, anh ta để điếu thuốc lên môi, chẹt hộp quẹt đốt. Bập vài cái cho lửa bắt rồi hít một hơi thật sâu để thở khói ra dài, thật dài... Làm như anh ta muốn trút ra theo khói một cái gì đang nghẹn trong lòng ngực. Chung quanh, người ta, xe cộ đi như loạn.

Tiểu Tử

Đi Xe Đò, Đi Xe Ôm

Năm đó, tôi về Việt Nam ăn Tết và cũng để mừng má tôi tròn một trăm tuổi. Đó là lần thứ hai tôi về Việt Nam. Kỳ trước về với vợ con nên đi đâu chúng tôi cũng dùng xe nhà của thằng em bà con cho mượn với tài xế (Thằng em này “biết làm ăn” nên bây giờ nó khá lắm) Kỳ này về một mình, tôi định nếu có dịp sẽ dùng xe công cộng một lần cho biết.

Sau một tuần ở Gò Dầu với má tôi (Gò Dầu quê tôi thuộc tỉnh Tây Ninh,

nằm cách thành phố 63 km) thấy còn năm hôm nữa mới tới Tết, tôi bèn sửa soạn xuống Sài Gòn để đi thăm vài người bạn.



Lần này, tôi muốn đi bằng xe đò (bây giờ người ta gọi là “xe khách” – trong bài viết này tôi vẫn dùng từ “xe đò” cho dễ hiểu!) Một thằng cháu – hồi trước làm thầy giáo, bây giờ sửa xe đạp và bán sách vở học trò – nói:

– Để cháu lấy Honda chở chú Hai lên bến xe kiểm xe gửi chú đi.

– Khởi cần, chú đi một mình được.

Nó phì cười:

– Cái tướng Việt Kiều của chú lên đứng lơ ngơ trên đó, tụi nó dám chém nhẹ vài chục ngàn cái vé đi thành phố thay vì chỉ có tám ngàn thôi. Tụi nó bây giờ “mánh” lắm chú ơi!

Vậy là nó chở tôi lên bến xe đò (Ở quê tôi, vì có con sông Vàm Cỏ Đông chảy ngang, nên dân chúng thường nói “trên” và “lên” để chỉ những nơi nào nằm về phía thượng lưu con sông – đối với khu chợ nằm ở giữa – và “dưới” hay “xuống” để chỉ những xóm nằm về phía hạ lưu).

Ở bến xe, thằng cháu nói:

– Chú đứng đây giữ dùm cháu cái Honda. Để cháu “thả” một vòng coi.

Trong lúc nó “thả một vòng”, tụi bắt mỗi hai ba đứa rà rà lại:

– Đi thành phố hả chú? Chạy liền giờ nè!

– Thằng xạo đó chú! Xe nó chưa tới “tài”. Xe cháu kia, xe đầu vàng đang rồ máy đó chú. Đi chú! Cháu xếp chỗ tốt đằng trước cho chú, nè!

Vừa nói, thằng nhỏ vừa nắm cái balô của tôi kéo đi trong lúc thằng kia cũng lôi về phía nó. Tôi rì lại la lên:

– Tao không có đi xe đồ! Tao đợi thằng cháu. Bộ tụi bây không thấy xe Honda đây sao?

Một thằng khác, có vẻ anh chị, “xẹt” vô can thiệp:

– Buông ra! Tụi bây làm gì vậy? “Quậy” hả?

Trong lúc hai tên kia bỏ đi, nó hạ giọng thân mật:

– Chú Hai đi thành phố hả chú Hai?

Tôi lắc đầu, lại chỉ cái Honda, nói:

– Tao đợi thằng cháu chở đi công chuyện.

Thằng nhỏ bỏ đi. Tôi nhìn theo nó mà nghe ngượng vô cùng. Mấy thằng nhỏ bắt mỗi cỡ tuổi hai thằng cháu nội tôi thôi, vậy mà tôi sợ gì lại phải nói trở là không đi thành phố? Có lẽ tại vì mấy chục năm nay ở xứ người, tôi đã sống quen với cái xã hội có tổ chức, có trật tự, nên tôi không biết cách ứng xử phù hợp với môi trường chụp giựt mãnh mung này. Cho nên phản ứng của tôi là né! Không biết phải làm sao, thôi thì né tránh đi cho nó xong chuyện! Tự nhiên, tôi thở dài.

Thằng cháu tôi dẫn lại một người đàn ông còn trẻ gầy nhom, giới thiệu:

– Thằng Đực nè chú Hai. Nó lái xe cho cậu Năm Bộn. Nó là chồng con Hường, con của chị Ba Đầy ở xóm nhà máy đó chú nhớ hôn?!!

Tôi mỉm cười gật gật đầu “ờ” cho lấy có. Thằng cháu nói tiếp:

– Còn đây là chú Hai con bà Tám, mấy kêu ổng bằng ông lận.

Thằng Đực chấp tay xá:

– Dạ, lâu nay con có nghe nói ông Hai ở bên Tây, bây giờ mới gặp. Về chơi hả ông Hai?

Rồi không đợi tôi trả lời, nó vói tay xách cái ba lô:

– Ông Hai đi theo con. Xe con đang này nè.

Thằng cháu tôi dặn vói:

– Xuống dưới nhớ kiểm xe ôm cho ổng, nghe mậy!

– Được rồi! Cậu ba yên chí!

Thằng Đực dẫn tôi lại xe của nó, giới thiệu tôi cho hai thằng cỡ mười tám đôi mươi đang đứng hút thuốc ở đầu xe:

– Đây là ông Hai, con bà cố ở đường đất đỏ, đó! Còn đây là hai thằng em vợ con, tụi nó vừa là phụ xế vừa là lơ nữa.

Rồi nó đỡ tôi lên đưa lại ngồi phía tay trái cách chỗ tài xế hai hàng băng. Trên xe đã có nhiều người ngồi, chắc họ quen nhau nên nghe nói chuyện rân như họp chợ!

Chiếc xe đồ là xe loại đầu bằng, có hai cửa lùa cho hành khách lên xuống. Chỗ ngồi hẹp té, tôi đo vừa đúng hai gang tay. Trên kiếng chắn gió trước mặt tài xế, về phía phải, có viết mấy hàng chữ bằng sơn đủ màu. Vì tôi ngồi trong xe nên phải đọc ngược, nhưng vẫn đọc được:

TP Hồ Chí Minh / Gò Dầu

Vidéo / Karaoké

Chính giữa xe, ngang ngang với đầu anh tài xế, có một cái lồng sắt hàn dính lên trần, trong đó có cái télé. Tôi tự hỏi: “Vidéo thì còn hiểu được, chớ Karaoké thì hành khách hát hí ra làm sao?” Thật là mới mẻ quá! Dưới chân tấm kiếng chắn gió, cũng ngay chính giữa, có gắn một kệ nhỏ, trên đó có một tượng Phật Bà, một bình bông, một bình cắm nhang và ba chung nước. Tất cả mấy món vừa kể

đều được gắn xuống mặt kệ bằng băng keo chẳng chịt! Cho nó đừng nhúc nhích hay lật đổ khi xe chạy hay khi xe thắng gấp. Nhìn tượng Phật Bà chẳng chịt bằng keo, tôi nghĩ chắc Ngài cũng phải mỉm cười mà từ bi hỉ xả.

Thằng Đực lên ngồi, để cho máy chạy, rồi cứ rồ máy từng chập giống như làm cho nóng máy. Hai thằng lơ đứng dưới đất la ó:

– Lên đi bà con! Chạy à! Chạy à!

Tài xế sang số cho xe nhúc nhích nhúc nhích, trong lúc hành khách cứ lần lượt trèo lên xe tỉnh bơ không thấy có chút gì hồi hả. Không thấy ai bán vé, thiên hạ cứ lên xe thấy ghế trống là ngồi. Hàng hoá mang theo linh kính để dầy hành lang chính giữa. Những người lên sau phải bước choàng ngang để đi!

Một bé gái cỡ mười hai mười ba tuổi, lên xe với hai bao ni-long lớn đựng đầy dép, loại dép cao su Nhứt Bồn. Nó ngồi vào ghế trống cạnh tôi. Vừa đặt đít xuống nó vừa trao cho tôi một bao dép, nói:

– Ông ngoại giữ dùm con.

Nó làm một cách tự nhiên, chẳng thấy một chút ngượng nghịu gì hết. Còn tôi thì thật ngỡ ngàng bối rối không biết phải làm sao? Vậy mà tôi cũng ôm bao dép vào lòng, ôm một cách máy móc! Tôi biết nó “đi” hàng lậu (Xưa nay, Gò Dầu được biết tiếng nhờ có chợ trời hàng lậu ở biên giới Cao Miên) nhưng tôi không thể tưởng tượng được một bé gái mới mười hai mười ba tuổi mà đã đi buôn lậu và còn bắt người khác giữ hàng lậu giùm mình một cách tỉnh bơ coi như chuyện bình thường! Xã hội bây giờ thật quá nhiều thay đổi, mà tôi thì quê trần,

giống như “một thằng mán ra chợ”!

Thằng Đực rồ máy cho xe chạy tới trong lúc hai thằng lơ phóng lên xe – mỗi thằng một cửa – vừa phóng vừa la “Bà con ơi! Chạy à! Chạy à!”. Xe chạy được mười thước, ngừng lại, máy rồ từng chập một lúc rồi xe lui về vị trí cũ! Hai thằng lơ nhảy xuống đất, miệng vẫn bô bô: “Lên đi bà con. Chạy liền giờ nè!”. Hành khách vẫn lai rai từ tốn leo lên xe.

Mười phút sau thì xe lại chạy. Lần này, nó ra khỏi bến xe, chạy rề rề. Đến ngã ba (Chỗ này có đường xuống chợ, có đường vô xóm Mới, nhưng vẫn được gọi là “ngã ba”!) nó rước một vài người khách rồi chạy thẳng về hướng thành phố. Tưởng chạy luôn, té ra xuống khỏi Trâm Vàng – cách ngã ba lối ba cây số – nó quay đầu lại chạy về bến đậu. Lại nhúc nha nhúc nhích một lúc lâu đến

khi có tiếng tu hít thổi (Chắc là hiệu lệnh của cán bộ điều hành bến xe) xe lại rồ máy chạy. Lần này, đúng là nó chạy thiệt bởi vì nó không có rề rề như hồi nãy! Tôi thở cái khi.

Xe không có bán vé, nhưng có một chị đi đầu tiên. Cái hay của chị này là chị ta nhớ người nào đã đầu rồi người nào chưa. Cho nên trong suốt “hành trình” trèo qua trèo lại trên những kiện hàng nằm ngổn ngang dọc hành lang để đầu tiên, không thấy ai phản nản phản đối gì hết.

Xe đang chạy, bỗng thấy thằng lơ cửa trước đứng thẳng lên mở dây nịt, kéo phẹt-mơ-tuya... cởi quần! Hành khách tỉnh bơ. Có lẽ trên xe chỉ có một mình tôi là ngạc nhiên trố mắt nhìn. Một cô gái ngồi gần đó đưa cho nó mấy cây thuốc lá “555” và một nạm vòng thun,

nó cầm lấy, xỏ vòng thun vào hai chân, cách khoảng nhau độ hơn một tấc, rồi nhét mấy cây thuốc vào đó, dài từ háng xuống mắt cá và ôm tròn chân từ mặt trong ra mặt ngoài. Trông nó giống Robocop của phim Mỹ! Thì ra thằng lơ giấu hàng lậu dùm cô gái. Nó vừa mặc quần xong là đến lượt thằng lơ cửa sau. Nhưng thằng này quá gầy nên nó không cần cởi quần. Nó kéo ống quần đi-rét lên tới bẹn rồi làm y như thằng trước. Thằng này thì ” cao cấp ” hơn, vì nó còn “chêm” vòng theo thân mình tới năm cây thuốc lận! Xong nó khệnh khạng đi về hướng cửa sau. Tôi nhìn theo, phục quá!

Xe vừa chạy vừa bóp kèn, đường trống vẫn bóp kèn. Làm như đã thành cái tật! (Ở Việt Nam bây giờ, chạy xe hơi, xe gắn máy trên đường – Nhà Nước gọi là “tham gia lưu thông”, nghe thật là văn

vẽ – ai ai cũng bóp kèn, chạy ngoài đồng hay chạy trong thành phố gì cũng vậy hết. Lạ lắm!) Còn hai thằng lơ thì hề thấy có người chạy lạng quạng phía trước thì lòn người ra ngoài, vừa la to “Vô! Vô!” vừa vỗ vào thùng xe đùng đùng. Làm như kèn xe không đủ cho người ta nghe vậy! Thấy ai đứng lơ ngơ đằng xa bên lề đường như có vẻ đón xe thì lơ hét to cho tài xế “Bà già đó! Bà già đó!” hay “Con mẹ cầm nón đó! Con mẹ cầm nón đó!”. Nếu là hành khách đưa tay ngoắc thì xe chạy chậm lại, rẽ sát vào. Thằng lơ phía trước mở cửa rồi một tay nắm cây cột sắt nằm cạnh cửa lùa, lấy thế nghiêng người xuống hốt người khách đẩy vào trong xe trong lúc xe vẫn tiếp tục lăn bánh chớ không ngừng lại (Sau này tôi mới biết rằng xe đồ không được phép rước khách ngoài những nơi đã được ấn định bởi chánh quyền. Vì vậy xe không được

ngừng dọc đường ngoài trừ khi xe ăn-banh!)

Thằng Đực vừa lái xe, vừa bóp kèn, vừa lách tránh những xe khác – đủ loại: Honda, xe đạp, xe thùng, xe ba gác, xe bò, xe ngựa... – vừa liếc dài theo lề đường để “bắt” khách. Xe đang chạy ngon lành (50 km/giờ, tốc độ tối đa ấn định bởi Nhà Nước) bỗng nó “nhả ga” chạy bót lại và la lên: “Giao thông nghen! Giao thông nghen! Lấy tay lấy đầu vô bà con!”. Hai thằng lơ cũng la theo: “Đừng ló đầu ra nghe bà con! Giao thông đó!”. Xa xa về phía trái, thấy có hai ông công an giao thông ngồi chàng hảng trên xe mô-tô dưới tàn cây bên lề, hút thuốc. Khi xe chạy ngang qua, mấy ông chỉ nhìn theo cười cười, chắc hài lòng với sự biết “chấp hành nghiêm chỉnh luật lệ giao thông” của tài xế Đực!

Đường xuống thành phố, ngày xưa, hai bên là ruộng lúa ruộng mía và giồng rau cải. Bây giờ nhà cửa cất dài dài, đồng ruộng còn rất ít. Quán ăn, quán nhậu thì quá nhiều. Phần lớn mang bảng hiệu rất thơ mộng như: “Hẹn hò”, “Vườn Thúy”, “Quán Trăng” Làm như bây giờ người ta thêm được “phiêu phiêu” để quên đi một phần nào cuộc sống xơ cứng của hiện tại!

Bến xe Trảng Bàng nằm trước sân banh. Xe đồ vừa vào bến thì một bầy trẻ con bán dạo ủa lên xe như ruồi, rao hàng ó trời! Trong xe bỗng ồn ào như cái chợ. Nhiều đứa nhỏ mang hàng đầy hai vai. Hàng đựng trong những túi ni-long nhỏ bằng nắm tay, miệng cột túm lại bằng vòng thun. Mỗi loại được xỏ chung với nhau thành một chùm. Túi nhỏ đeo nhiều chùm như vậy lên hai vai, nhiều đến nỗi không còn thấy cái cổ! Chỉ còn thấy cái

đầu nhỏ lòi ra trên đồng túi ni-long tròn tròn.

Túi nhỏ bán loại này rao hàng có ca có kệ. Rồi vì muốn cho “có ca có kệ” nên nhiều tiếng để sai dấu, tôi nghe mà không hiểu hàng gì và hàng gì! Phải nghe vài lần mới “nắm bắt” được: “Sâm lạnh. Thuốc lá. Huỳnh gum. Trứng cóc. Bánh tráng muối. Nem chay. Đây?” Nếu có người mua, đứa nhỏ cầm túi ni-long giựt mạnh cho đứt sợi thun rồi trao cho khách, nhanh gọn lăm! Ngoài ra, có những đứa bán “chuyên ngành” hơn, bán một thứ một, như chỉ bán giấy số hay thơm gọt sẵn, hay bánh tráng bánh phồng, hay thuốc lá..v.v... đủ thứ. Đứng đầy xe như vậy mà khi xe rồ máy lìa bến thì túi nó đứa trước đứa sau phóng xuống như trò đu bay! Thấy chết như không!

Xe chạy chậm chậm, rước vài người ở khúc cua Trảng Bàng. Đến Cầu Ông Chùa – cách Trảng Bàng độ năm ba cây số – xe quay đầu chạy về bến trước sân banh! Rồi cứ nhúc nha nhúc nhích để lấy thêm hành khách. Mấy đứa nhỏ lại ùa lên rao hàng. Độ hai mươi phút sau, xe lại lăn bánh. Lần này chạy thiệt.

Trên đường lúc nào cũng có người. Xe đạp, xe Honda (Bây giờ, “Honda” là tiếng gọi chung cho xe hai bánh có gắn máy) chạy loạn. Hai bên đường, thỉnh thoảng có bảng đề “Bia tươi” đặt trên lề trước quán nhậu. Tôi đã nghe nói “bia hơi”, “bia ôm”, nhưng loại “bia tươi” này là lần đầu!

Khều thẳng lơ, tôi hỏi:

– Bia tươi là gì vậy cháu?

Nó bật cười:

– Là bia làm tại chỗ, làm ngày nào là nhậu ngày nấy. Để vài ba bữa mà đớp vô là đi luôn à ông Hai!

Tôi gật gật đầu nhưng trong lòng sao nghe buồn chi lạ: bây giờ, đến “cái nhậu” cũng “không giống ai” hết!

Bỗng thẳng Đục vừa bót ga rà thắng vừa la lên:

– Kinh tế! Kinh tế! Bà con.

Trong xe, hành khách nhốn nháo. Kẻ thì đút giấu hàng dưới băng mặc dù ở đó đã đầy đồ, người thì chèn nhét hàng trong hốc trong kẹt, dưới dít mấy kiếng hàng rau cải gà vịt. Mấy bà mấy cô thì nhét trong áo trong quần chẳng thấy có chút gì xấu hổ hết!

Tôi nhìn con bé cạnh tôi, nó cười trấn an:

– Ông ngoại đừng lo. Mỗi người có quyền đi một bao dép. Con đi hoài hà!

Tôi “ờ” rồi hỏi một cách máy móc:

– Bộ con không có đi học hả?

Nó cười rất tự nhiên:

– Đi học rồi lấy gì ăn, ông ngoại?

Tôi xúc động, không dám nhìn gương mặt dễ thương đó nữa, tôi nhìn vội ra ngoài. Xe đã đậu lại. Bên kia đường, có một xe hàng nằm sau một xe Jeep. Hai ông công an kinh tế mặc sắc phục (họ kiểm soát hàng lậu) đang “làm việc” dưới tàn cây vệ đường với mấy người mà tôi đoán là lơ và tài xế của xe hàng. Thằng Đục cầm một xấp giấy tờ xum xoe chạy

qua đó, chen vào chỗ nói năng. Một lúc sau, thấy nó khúm núm cúi chào mấy cái rồi vui vẻ chạy trở về trèo lên xe sang số chạy thẳng!

Xe chạy không bao nhiêu xa, hành khách chọn rộn móc kéo hàng giấu hồi nãy cho vào bao vào bị. Hai thằng lơ cũng cời quần lấy cây thuốc vòng thun trả lại cô gái, vừa làm vừa trò chuyện nói cười. Con nhỏ ngồi cạnh tôi kéo cái bao dép tôi đang ôm về phía nó, chẳng nghe một lời cảm ơn. Mọi người đều hành động một cách tự nhiên, bình thường. Tôi bỗng thấy tôi không giống ai hết. Tôi là người “bất bình thường”, ngay trong lòng quê hương mà sao thấy thật là lạc lõng!

Xe ngừng ở Suối Sâu, hai thằng lơ – đưa trên mui, đưa dưới đất – xuống hàng: bao, bị, giỏ tre, cần xé lổn ngổn (Những

món này chắc của bạn hàng quen gửi và đã chất lên đó trước khi xe vào bến (Gò Dầu) Vừa làm, thằng lơ trên mui vừa nói lớn cho mấy người đang bu lại nhận hàng: "Hai cái cần xé này của dì Ba. Cái giỏ bội này cũng của bà nữa. Mấy thứ tôi liệng xuống đây của cô Bảy nhen. Rồi! Xong! Bây giờ là đồ của chú tư Xáng".

Cô gái "đi" thuốc 555 lấy hàng nằm dọc hành lang trao qua cửa sổ cho một bà sồn sồn đứng phía dưới, vừa làm vừa nói chuyện huyên thiên. Bà đó hỏi:

– Mấy có ghé thăm con Hoa hông? Nó đẻ chưa?

– Chưa. Má lên trên mà coi. Cái bụng của chỉ bây giờ chang bang như cái mả vậy!

Nói rồi, cô ta cười hắc hắc. Chắc cũng là chuyện bình thường thôi.

Xe chạy tiếp. Bon bon 50 km/ giờ. Đến Củ Chi ngừng lại để xuống hàng lần nữa. Con nhỏ ngồi cạnh tôi xuống ở đây. Nó đứng lên, xách hai bao dép đi, không nói một lời, cũng không nhìn lại. Nó làm tự nhiên như tôi không có mặt trên xe!

Sau khi xuống hàng, xe chạy thẳng về thành phố, không ngừng ở trạm nào nữa hết. Tôi đoán: "Trên mui chắc không còn hàng".

Bến xe Tây Ninh nằm ở Bà Quẹo. Bến này rộng lắm, vây quanh bởi một tường rào. Khi xe đò quẹo vào, thấy người ta chạy theo lối nhỏ. Chừng xe đậu rồi, nghe họ mời mọc tía lia mới biết họ là những người lái xe ôm, xe ba gác đang tranh nhau kiếm mỗi chở đi. Thằng Đực nói:

– Ông Hai ngồi đây, đừng đi đâu hết. Để con kiểm mấy thằng xe ôm quen cho ông Hai.

Tôi nhìn đồng hồ thấy 10 giờ 20. Hồi ở Gò Dầu, tôi lên ngồi trên xe lúc 8 giờ sáng. Tính ra, tôi đi 63 km mất hết hai giờ hai mươi phút!

Một lúc sau nó dẫn đến một người đàn ông cỡ tuổi nó, vừa vỗ vai người đó vừa nói:

– Thằng này tên Chín, ở cùng đơn vị với con hồi trước. Nó đang hoảng lắm, ông Hai. Mà ông Hai về đâu vậy?

– Ông về nhà thằng cháu ở khu Đại học Phú Thọ.

Thằng Đực lại vỗ vai bạn:

– Tao giao ông Hai cho mày đó. Tính

tiền cho có tư cách nghe mậy.

– Yên chí.

Vừa nói thằng Chín vừa cầm ba lô của tôi:

– Ông Hai đi theo con.

– Ủa? Xe của cháu đâu?

– Dạ để ngoài kia, chớ đâu được phép đem vô đây, ông Hai. Cấm mà!

Vậy là mấy phút sau, tôi “ôm” về nhà thằng cháu. Đó là lần đầu tiên tôi đi xe ôm.

*



Ở thành phố, người ta thường đi xe ôm, nếu chỉ đi có một mình. Xe ôm rẻ hơn xe taxi nhiều và nhanh hơn nhờ nó lòn lách dễ. Biết như vậy nên sáng hôm sau tôi ra đường đón xe ôm để đi thăm bạn bè. Nếu xích lô và taxi dễ “nhận diện” nhờ hình dáng và chữ “taxi” bên hông, thì xe ôm rất khó biết. Bởi vì trên đường lúc nào cũng đầy người chạy Honda, chạy xuôi chạy ngược, không có dấu hiệu đặc biệt gì hết thì biết ai “ôm” hay ai không “ôm”? Nếu xe ôm được sơn một màu ấn định, hay người lái xe có gắn một cái gì trên ngực trên lưng, hay ít ra cũng đội

nón kết có in hai chữ “xe ôm” thì dễ cho mình nhìn ra, để ngoắc cho đúng. Đằng này, ai cũng như ai.

Ngoắc đại mấy lần thấy “trật chìa”, tôi bèn đổi “chiến thuật”. Tôi bước ra đứng trên mép vỉa hè, mặt làm ra vẻ dáo dác nhìn xuôi nhìn ngược như đang tìm xe ôm trong luồng người chạy Honda. Thấy một người vừa chạy vừa nhìn dài dài theo phố, tôi mừng rỡ vẫy tay ra dấu. Anh ta chạy luôn. Vậy là anh ta đang tìm cái gì khác chứ không phải tìm khách hàng. Tôi lại làm bộ dáo dác cho người khác để ý. Lần này có một ông tấp vô, mỉm cười hỏi:

– Đi không ông Hai?

Tôi gật đầu, nói địa chỉ, trả giá – căn cứ trên giá đi hôm qua – rồi ôm đi (Gọi là “ôm” chứ hành khách không có ôm

người lái. Nhiều người không biết, cứ nghĩ rằng trèo lên xe là phải ôm! Cho nên, khi trở về Paris thuật lại vụ đi xe ôm, vợ tôi hỏi: “Có đàn bà lái xe ôm hông?”)

Trên đường, xe chạy như loạn. Hai luồng ngược chiều nhau lấn ép lòn lách, bóp kèn như điên! Thấy tai nạn có thể xảy ra bất cứ lúc nào!

May quá, ông lái xe của tôi – khá trỗi tuổi – chạy từ tốn. Ông cứ men theo lề mà chạy và đặc biệt là không nghe ông bóp một tiếng kèn! Ngạc nhiên, tôi hỏi:

– Sao ông không bóp kèn?

– Bóp cho ai nghe? Ai cũng bóp kèn hết, rền trời. Mình có bóp cũng vô ích!

Ngừng một chút rồi tiếp:

– Cứ làm thình như vậy mà người ta để ý. Người ta nghe mình làm thình!

Rồi ông ta cười ha hả. Tôi cũng bật cười theo. Khoái quá, tôi vỗ vai ông:

– Hay! Hay!

Rồi không kềm được, tôi hỏi thẳng:

– Hồi trước ông làm gì?

Ngắc ngừ một lúc, ông mới nói:

– Dạ, làm giáo viên.

– Dạy trường nào vậy?

– Dạ, trường trung học X.

– Dạy trung học sao gọi là giáo viên được? Phải gọi là giáo sư chứ.

– Xin lỗi ông. Hồi nãy nhìn ông tôi đã đoán ra ông là Việt Kiều. Bây giờ, ông hỏi

như vậy đúng là ông không phải người ở trong nước. Bây giờ, đi dạy học cao thấp gì cũng gọi là giáo viên ráo. Muốn được gọi “giáo sư” phải được “Hội Đồng Chức Danh Giáo Sư Nhà Nước” xét duyệt hồ sơ. Khi họ công nhận, họ cấp cho mình chức danh giáo sư. Chừng đó, mình mới được gọi là giáo sư. Ông hiểu không?

Tôi nhớ lại tôi có một người bạn hồi đó cũng dạy trường trung học X. Tôi nói:

– Tôi có một người quen cũng dạy ở trường X nữa. Ông tên Nguyễn Văn Y.

Giọng ông xe ôm có vẻ như reo lên:

– Anh Y dạy lý hóa. Anh mộc mạc dễ thương lắm. Lúc nào cũng thắt cà vạt đen!

Ông xe ôm nói đúng. Như vậy ổng là giáo sư thiệt, không phải ổng ba xạo.

Tôi bỗng nghe một xúc động dâng tràn lên ngực. Tôi đặt một tay lên vai ông ta, muốn nói gì đó thật nhiều. Nhưng sao tôi không tìm ra được lời, tiếng nói bị nghẹn ngang trong cổ. Tôi chỉ biết bóp nhẹ vai của ổng, cái vai bây giờ tôi mới thấy là gầy. Chắc ổng hiểu cử chỉ của tôi nên làm thinh. Tôi bóp vai ổng mà tưởng chừng như tôi đang bóp vai một người bạn cố tri, tưởng chừng như tôi đang mân mê một cái gì trân quý của thời cũ. Tôi như thấy lại được cái thời đã mất đó với những giá trị tinh thần của nó, cái thời mà nhà giáo dù nghèo cũng chưa đến nỗi phải chạy xe ôm như bây giờ.

Ông xe ôm im lặng lái xe. Tôi im lặng nhìn cảnh tượng xô bồ hỗn tạp trên lòng đường phố. Bàn tay tôi vẫn đặt trên vai ông ta như để giữ thăng bằng. Sự thật, tôi muốn giữ nguyên như vậy để ổng cảm

nhận rằng giữa ông và tôi không có một sự cách biệt nào hết. Không có người lái xe ôm, không có khách đi xe ôm. Mà chỉ có hai thằng bạn...

Bỗng ở phía ngược chiều, một người đàn ông lái Honda nhìn về phía bên này gọi to: “Thầy! Thầy!”. Tôi thấy anh ta chật vật lòn lách quay đầu xe lại, chạy theo chúng tôi. Chùng đến ngang nhau, anh ta hớn hở:

– Thầy mạnh hả thầy?

Giọng ông xe ôm cũng vui vẻ:

– Ồ! Mạnh! Cảm ơn! Em đi đâu vậy?

– Dạ! Em chạy áp-phe. Thấy thầy em nhìn ra được liền hà! Tụi thằng A thằng C nói có gặp thầy nên em thường để ý kiếm, bây giờ mới gặp. Mừng quá, thầy!

– Ồ! Cảm ơn! Hai mươi mấy năm mà tụi em còn nhớ tới thầy là thầy vui rồi.

– Làm sao quên được, thầy? Hồi đó, thầy là thần tượng của tụi em mà!

Ông xe ôm làm thình. Chắc cả một dĩ vãng đang được quay nhanh lại trong đầu. Tôi bóp nhẹ vai ông ta, chia xẻ.

Hai thầy trò vừa lái xe vừa nói chuyện với nhau một lúc rồi người đó xin phép “đi làm ăn”. Chúng tôi im lặng, tiếp tục đoạn đường còn lại. Sự im lặng nào sao cũng nói thật nhiều ...

Đến nhà anh bạn tôi, tôi trả tiền cước xe ôm mà không dám cho thêm như tôi đã làm hôm qua với thằng Chín. Tôi muốn ông ta thấy rằng tôi vẫn kính trọng ông ta, vẫn xem ông ta là một giáo

sư. Ông ta nhìn tôi mỉm cười. Chúng tôi bắt tay nhau, cái bắt tay đó ngấm nói lên rằng, dù cuộc đời có vĩ đại đến đâu, mình vẫn giữ được cái tình người trân quý của thời cũ.

Lần đi xe ôm đó tôi nhớ hoài đến bây giờ. Viết lại mà vẫn còn nghe xúc động.

Tiểu Tử

Giọt Mưa Trên Tóc



Dường Hai Bà Trưng. Chiều. Một trai một gái tuổi độ 17,18, đạp xe về hướng Tân Định, đi song song.

Bỗng, trời nổi gió ào ào rồi mây đen kéo về vần vũ. Mọi người đều hồi hải, đi như chạy, để tránh mưa. Đứa con trai giục:

– Đạp lẹ lên Kim! Qua khỏi đoạn này mới có chỗ đụt.

Đứa con gái gật đầu, chồm lên nhấn mạnh bàn đạp, nhưng chỉ vài phút sau mưa đã rơi lất rắt xuống hai đứa làm chúng nó cười lên hăng hắc, cái cười hồn nhiên thanh thoát khi thấy mình bị mưa đuổi kịp, cái cười còn nguyên nét trẻ con trong trò chơi “cút bắt”! Chúng nó vội tấp vào mái hiên một tiệm giày. Sau khi dựng xe đạp lại ngay ngắn, Kim nhìn bạn, hơi ân hận:

– Tại Nghĩa đợi Kim mới bị mưa ướt đó. Phải hồi nãy Nghĩa đạp đi trước thì đâu có sao?

Đứa con trai tên Nghĩa vừa nhìn quanh vừa trả lời, người hơi lắc qua lắc lại giống như cành cây đong đưa trong cơn gió thoảng

– Mình đi chung mà Kim.

Nghe bạn nói, Kim yên lặng nhìn ra mưa mà nghe lòng thật ấm cúng. Sự nhạy cảm của người con gái ở tuổi đó đã giúp Kim nhận thấy một tình yêu nhỏ nhỏ đang nhen nhúm giữa hai đứa, một “cái gì” vừa nhẹ nhàng vừa tinh khiết, mà lại vừa thật là rung động. Một “cái gì” cứ bắt phải cần có nhau; một “cái gì” cứ bắt phải nghĩ đến nhau. Một “cái gì”... Một “cái gì”... Không biết nữa! Kim cảm thấy nóng hai vành tai. Kim nhìn xuống chiếc áo bà ba trắng đang dán vào người từng mảng nhỏ. Tự nhiên, Kim khoanh tay lại che ngực, rồi tự trách thầm: “Phải nghe lời má đội nón thì bây giờ đã có cái gì để ôm cho đỡ nguội. Con gái gì mà đi đâu cũng đầu trần! Cho đáng...”. Thật ra, Kim thấy đội nón bức bối quá, cứ nghe ngứa ngáy trên đầu như mấy ngày

chưa gội và sau đó khi lấy nón ra tóc cứ như bị dán keo nằm nhẹp xuống coi thật chướng mắt. Cho nên, thẳng hoặc có đi đâu với má thì Kim cầm theo cái nón lá cho khỏi bị rầy, kỳ dư là đi đầu trần – dù đi học hay đi lao động cũng vậy. Thành ra, tóc Kim bỗng lên thật đẹp, đen huyền xõa xuống ngang vai, chao qua chao lại khi Kim nghiêng đầu và lúc nào cũng tự do phất phơ theo chiều gió. Mấy thằng bạn cùng lứa – nhứt là Nghĩa – thường hát ghẹo: “Nặng lên, gió lên cho tóc em bỗng...” Và Kim thấy hãnh diện với “mái tóc em bỗng” đó.

Cơn mưa thật lớn. Vĩa hè, mặt đường... đều lai láng nước. Làm như là nước từ dưới đất dâng lên!

Bên kia đường là nhà thờ Tân Định với bức tường cao kéo dài. Bên này, chỗ nào có mái hiên là có người đứng đợi.

Cách chỗ hai đứa đứng vài căn phố là tiệm nước mà phía trước là chiếc xe mì với hàng ghế đầu đứng trong mưa chờ khách.

Mái hiên chỗ hai đứa đụt bỗng ng-
hiêng triển qua một bên, đổ ào nước
xuống như một dòng thác. Không bảo
nhau mà cả hai đứa cùng nháy lùi vào
trong và cùng đứng về phía mái hiên
không đổ nước. Khoảng trống không
bị ướt dưới mái hiên bây giờ thu hẹp lại
chỉ còn một góc nhỏ vừa đủ cho hai đứa
đứng. Không đứng sát vào nhau, nhưng
đứng thật gần nhau...

Nghĩa quay nhìn phía sau: cửa lưới
sắt tiệm giày đóng im lạnh ngắt. Bên
trong tủ kiếng, kệ hàng trống bấc, bụi
đầy. Nhìn sang Kim, Nghĩa nói:

– Kim biết không? Ông chủ tiệm
giày này đã đưa gia đình vượt biên cách
đây ba bốn tháng...

– Sao Nghĩa biết?

Kim ngạc nhiên, bởi vì nhà Nghĩa ở
xóm Chi Lăng, còn đây là chợ Tân Định.

Nghĩa chỉ tay sang nhà thờ:

– Con nhỏ em của Nghĩa học ở
trường nhà thờ bên kia. Chiều nào Ng-
hĩa cũng tới đón nó. Trong khi chờ đợi,
nghe mấy anh xích lô nói chuyện với
nhau mới biết.

– Họ đi thoát không?

– Không biết nữa. Mà không phải có
tiệm giày đi thôi đâu. Cả dãy phố này đều
lần lượt chui hết. Cho nên nhà nào nhà
ấy đóng cửa im ỉm, Kim thấy không?

Nhà Nước tịch thân lâu rồi sao không thấy cấp cho ai hết.

Kim nhìn ra mưa, băng khuâng:

– Không biết họ đi có thoát không?

Im một lúc, bỗng Nghĩa ngập ngừng hỏi nhỏ:

– Gia đình Kim có định... có định... đi không Kim?

Kim nhìn bạn, nửa ngạc nhiên, nửa dò xét. Rồi khi thấy không có gì khác lạ trên gương mặt của người bạn trai,

Kim thở dài nhìn ra mưa:

– Gia đình Kim mà đi đâu, Nghĩa! Chạy gạo hằng ngày thì lấy vàng đâu mà đi chui?

Nghĩa bối rối, người hơi lắc lư:

– Thì... hỏi là hỏi vậy thôi, chớ Nghĩa cũng biết...

Ba của Kim làm thầy giáo. Hồi thời “ngụy”, bị động viên, rồi chạy chọt được biệt phái trở về đi dạy học – để khỏi đi đánh giặc. Qua trào Việt Cộng, hai chữ “biệt phái” đã làm cho chúng nghi là CIA nên bắt đi học tập từ đó đến giờ. Ở nhà, má và chị Hai của Kim chạy ngược chạy xuôi lãnh đồ về may để nuôi năm miệng ăn và góp nhóm chút đỉnh để lâu lâu đi thăm ba của Kim một chuyến. Cho nên, nói chuyện “lo đi vượt biên” cũng như chuyện xuống biển mò trăng...

Bên gia đình Nghĩa cũng không hơn. Ngày xưa, ba Nghĩa làm kế toán ngân hàng, bây giờ đan giỏ chằm nón ở tổ “Mây Tre” Phú Nhuận với má Nghĩa. Hai ông bà sáng đi tối về, đèo nhau trên xe đạp. Nghĩa và con nhỏ em đi học, tối

về dán bao giấy bỏ mối cho mấy bà ngoài chợ gói hàng. Bữa cơm gia đình thường là tương chao hoặc ba cái trứng luộc dầm nước mắm. Chuyện “vượt biên” đúng là chuyện mò trăng đáy biển!

Bỗng Kim nhìn Nghĩa, một thoáng tinh ranh nằm trong ánh mắt:

– Còn Nghĩa? Có tính đi không?

Nghĩa phì cười, miệng rộng huệch:

– Kim trả thù hả?

Kim cười bằng mắt, nhái lại câu của Nghĩa khi nãy, người cũng nhẹ lắc lư:

– Thì... hỏi là hỏi vậy thôi.

Không bảo nhau mà cả hai cùng phá lên cười, cái cười che giấu sự sung sướng bên trong của mỗi đứa, cái cười của những người cùng cảnh ngộ gặp nhau,

cái cười không phải của niềm vui mà là của sự an ủi. Rồi chúng nó nhìn nhau một thoáng, trước khi quay nhìn đi nơi khác để cảm thấy thật gần gũi nhau vô cùng.

Mưa thôi ồ ạt nhưng vẫn chưa dứt hột thì nửa vùng trời đã hé nắng ở đằng kia. Ánh nắng xiêng xiêng thật sáng, thật trong làm như vừa được mưa lau sạch bụi! Nắng chiều mà giống như nắng sáng.

Nắng xuyên mưa đổ xuống chỗ Kim và Nghĩa, giống như vệt đèn pha sân khấu. Nghĩa nhìn Kim đứng trong vùng ánh sáng đó bỗng nhớ tới vở kịch thần thoại Liên Xô mà hai đứa đóng trong trường cách đây mấy tháng, trong đó Nghĩa làm người cùng khổ còn Kim là bà tiên áo trắng, mái tóc dày kim tuyến lấp lánh như kim cương. Bây giờ, những giọt mưa đọng lại trên tóc Kim cũng lấp

lánh như kim cương trong tia nắng chiều nghiêng chụp xuống. Đẹp quá!

Kim chợt bắt gặp cái nhìn ngây dại của bạn, nóng bừng hai tai.

– Nhìn gì kỳ vậy Nghĩa?

Nghĩa giật mình, người hơi lắc lư:

– Nghĩa đang nhìn mấy giọt nước trên tóc Kim. Nó... Nó...

Kim mỉm cười, lắc mạnh đầu mấy cái rồi đưa hai tay vuốt tóc tém vào ót. Tóc được gom lại, dính vào nhau thành một cái đuôi cong cong.

Nghĩa tiếp:

– Nó giống như kim cương. Thật giống kim cương. Uổng quá!

– Cái gì uổng?

Kim ngạc nhiên hỏi. Nghĩa đang tiếc rẻ hình ảnh đẹp của Kim khi nãy với những giọt mưa trên tóc, bất ngờ bị hỏi vặn, không biết phải trả lời làm sao. Nghĩa đưa tay gãi ót, chặc lưỡi:

– Thì...

Mắt Nghĩa bỗng sáng lên, mặt hí hửng. Một ý nghĩ vừa thoáng qua trong đầu, Nghĩa chụp lấy như người sắp chết đuối chụp lấy cái phao:

– Uổng quá chứ! Nếu là kim cương thiệt thì Kim dư sức đưa gia đình đi vượt biên rồi.

Rồi Nghĩa cười lên ha hả, cái cười của người vừa thoát nạn. Kim cũng cười theo bạn, nhưng cười vì cái ý nghĩ ngộ nghĩnh bắt nguồn từ những giọt mưa trên tóc.

Trời cũng vừa hết mưa. Đường phố khi nãy vắng tanh, bây giờ đầy người trở lại. Làm như mưa ngừng cho nước rút xuống để rừng người mọc lên! Nghĩa và Kim nhập vào đoàn người đạp xe về ngã Phú Nhuận. Không khí sau mưa mát rượi. Hai đứa đều có cảm giác như mặt mũi mình vừa được rửa sạch trong cơn mưa.

Đến ngã tư Phú Nhuận, Nghĩa vẫy tay chào bạn:

– Thôi, “bye” nghe Kim.

Rồi cầm đầu đạp nhanh về hướng Gia Định trong lúc Kim quẹo sang trái để về cổng Phi Long.

*



...Sau bữa cơm tối, ba gọi Nghĩa và con nhỏ em vào buồng, kéo ngồi xuống chiếc chiếu trải dưới đất, vẻ nghiêm trọng, thấp giọng nói:

– Hổm rày ba má giấu tụi con. Bây giờ, tới lúc phải cho tụi con biết. Khuya nay mình vượt biên.

Nghĩa cảm thấy choáng váng mày mặt, mồ hôi đổ ra như tắm. Trước mắt Nghĩa bỗng là một khoảng trống không mơ hồ. Nghĩa không còn thấy ba. Nghĩa không còn thấy em. Nhưng Nghĩa còn

loáng thoáng nghe tiếng ba nửa xa nửa gần:

– Ba sẽ chở má. Nghĩa chở em. Mình đạp xuống cầu Kinh, bỏ xe ở nhà bác Tám rồi băng ruộng ra bờ sông cách đó chừng năm trăm thước. Ghe chờ ở đó. Tụi con đừng đem gì theo hết. Cứ đi tay không như mình đi thăm bác Tám vậy. Hiểu chưa?

Nghĩa gật đầu như người máy, nhưng Nghĩa không hiểu. Thật tình không hiểu! Ba má vẫn hay than vãn thở dài: “Phải chi nhà mình có chút đỉnh gì để liêu một chuyến vượt biên như thiên hạ coi ra sao”. Khi gặp bạn bè, ba thường chép miệng: “Tôi mà biết bị kẹt lại như vậy, tôi đã đưa gia đình di tản cha nó hồi bảy mươi lăm rồi! Bây giờ thì thôi. Đành muôn năm ở lại với Bác!”. Vậy mà bây giờ... bây giờ... Nghĩa không hiểu! Thật

tình không hiểu! Mới hồi nãy đây, còn đứng đụt mưa chung với Kim, còn đùa nhau về chuyện vượt biên – lý do để hai đứa thấy gần nhau hơn nữa – còn đạp xe song song trên đường dài – dù đường dài có dài thăm thẳm chắc hai đứa lúc nào cũng đạp xe song song... Vậy mà bây giờ... bây giờ... Sao nó giống như ngã tư Phú Nhuận, mỗi đứa đi về một hướng, hai hướng ngược nhau trên một đường thẳng, nghĩa là chẳng bao giờ gặp lại nhau dù có kéo mãi về vô tận. Và những giọt mưa trên tóc. Ờ... những giọt mưa trên tóc! Những gì hồi nãy mới thấy đây, mới hiện diện đây, những rung động, những cảm nhận thật rõ ràng mới đây, hồi nãy, khi đứng đụt mưa với Kim dưới mái hiên tiệm giày... bây giờ sao giống như giọt mưa trên tóc, chỉ một cái lắc đầu đã rơi mất trong không gian! Còn Kim?... Kim?... Kim sẽ làm sao? Một câu

hỏi thật ngớ ngẩn nhưng nói lên chiều sâu của tình yêu vừa chớm, thứ tình yêu chưa rõ nét như bước chân chập chững của trẻ thơ, thứ tình yêu còn thơm mùi giấy mực học trò, còn thật thà như đọc cữu chương hai! Nghĩa bỗng thấy cần phải gặp Kim. Gặp ngay bây giờ. Không biết để làm gì, nhưng phải gặp. Không biết sẽ nói cái gì, nhưng cứ gặp trước cái đã. Có một cái gì thúc đẩy từ bên trong. Có một cái gì kêu gọi từ bên ngoài. Nghĩa không hiểu nữa. Cảm thấy thật cần thiết, thật cấp bách!

Nghĩa bước ra phòng khách, với tay lên kệ lấy đại hai quyển sách gì đó rồi nói với ba đang soạn giấy tờ trên bàn:

– Con đem trả sách cho thằng Tuấn.

Khi thấy ba nhìn mình soi mói, Nghĩa tiếp:

– Trả cho nó học.

Ba gật đầu:

– Ờ... Nhưng ba cấm con nói “chuyện đó” với bất cứ ai, dù là bạn thân cũng vậy. Nghe chưa?

Nghĩa gật đầu, đẩy xe đạp ra sân. Ba nói với theo:

– Trả rồi về ngay nghe con, Nghĩa.

Nghĩa “dạ” rồi phóng lên xe, đạp thật nhanh. Trên đường Phan Đăng Lưu (Chi Lăng cũ), Nghĩa ném hai quyển sách vào một đồng rác rồi đi thẳng.

Nhà Kim ở xóm cổng Phi Long. Nghĩa vẫn quen lui tới. Vậy mà bây giờ sao thấy nó xa thăm thẳm. Mặc dù xe đã lao nhanh nhưng Nghĩa vẫn có cảm tưởng như hãy còn quá chậm. Nghĩa

vừa nhấn mạnh bàn đạp vừa nghĩ miên man: “Không biết phải nói làm sao đây? Ba đã cấm thì mình làm sao nói? Mà không nói làm sao Kim hiểu? Không biết mình đi có thoát không? Rồi cuộc đời sẽ ra sao? Không có Kim mình sẽ ra sao? Còn Kim? Kim sẽ ra sao? Ra sao?... Ra sao?...” Thật nhiều câu hỏi để không có được một câu trả lời. Người con trai đó cảm thấy thật chơi vơi, tất cả đều vượt khỏi tầm tay, tất cả đều vượt khỏi tầm suy luận của nó, nó không hiểu được gì hết, không chủ động được chuyện gì hết! Lần đầu tiên, người con trai đó nhận thấy cuộc đời này quá nhiều rắc rối chớ không đơn giản như những bài toán ở trong trường, mà mình thì giống thằng học trò dốt nhìn tấm bảng đen thấy nó rộng bằng cái sân banh...

Khi Nghĩa vừa thắng xe trước cổng nhà Kim thì con chó chạy ra sủa mấy tiếng rồi chồm lên cửa sắt vẫy đuôi mừng. Có tiếng má của Kim hỏi vọng ra:

– Ai đó?

– Dạ thưa cháu.

Nghĩa trả lời.

– Nghĩa hả? Đi đâu tối vậy?

Rồi đèn dưới hiên được bật lên, một bóng đèn nhỏ xiu tỏa ánh sáng vàng vọt như ánh sáng cây đèn dầu. Má của Kim bước ra mở cổng:

– Cháu ngồi chơi. Em nó tắm rồi ra bây giờ. Bác còn phải vô mai tiếp mớ đồ để mai giao...

Nghĩa “dạ”, rồi dựng xe vào tường rào. Con chó chạy lại quấn quýt mừng

rồi chạy vào trong sủa mấy tiếng như để báo là nhà có khách! Nghĩa nhìn quanh: nhà vắng teo, chỉ nghe có tiếng máy may xành xạch đều đều. Nghĩa nghĩ: “Chắc mấy đứa nhỏ về dưới quê hết rồi. Chớ không thì đã chạy ào ra mừng như mọi khi”. Sân nhà Kim tuy nhỏ nhưng trắng xi măng sạch sẽ. Ở góc sân có cây mận khá lớn, tàng gie ra phủ lấy sân như cây lọng. Dưới gốc mận, có mấy gộc củi to đặt đứng để làm ghế ngồi. Trên thân cây mận, hãy còn treo mấy giỏ phong lan mà ba của Kim trồng hồi đó.

Khi Nghĩa vừa ngồi xuống cạnh gốc mận thì Kim cũng vừa bước ra hiên nhà. Tóc Kim chải ngược về phía sau, để lộ khuôn mặt đều đặn với đôi mắt ngời tinh anh. Kim dừng ở hiên một chút... như để định hướng, rồi mới bước tiếp ra sân. Chỉ trong một thoáng đó thôi –

một thoáng dừng lại của Kim – Nghĩa bỗng thấy không gian chìm mất chỉ còn lại gương mặt của người bạn gái là hiện hữu, là sinh động, là rạng rỡ... Nghĩa thấy gương mặt đó thật rõ, thật sáng. Thấy mái tóc hãy còn láng nước, tóc mai còn dán vào má vào tai. Thấy vầng trán rộng, thấy đôi mày dài. Thấy ánh sao trong mắt, thấy nét cười phớt nhẹ làn môi... Chỉ trong có một giây thật ngắn ngủi – như một chớp mắt – mà sao ngân đó nét, ngân đó chi tiết được Nghĩa nhìn thấy hết, thấu nhận rõ hết. Phải chăng đó là hình ảnh của Kim mà Nghĩa muốn ghi lần cuối cùng vào tim vào óc? Ghi lấy để giữ lấy mãi mãi, bởi vì, sẽ không còn có lần nào khác nữa để Nghĩa được nhìn Kim như bây giờ...

Kim vừa bước về hướng Nghĩa, vừa hỏi:

– Ủa? Đi đâu mà tối vậy Nghĩa?

Yên lặng. Từ cái thoáng dừng lại khi nảy của Kim, từ cái thoáng đặt hết tâm tư vào gương mặt của người bạn gái, Nghĩa không còn cảm nhận được sự hiện diện của mình. Tiếng của Kim, Nghĩa nghe loáng thoáng như trong chiêm bao.

Nghĩa chỉ sức tỉnh khi Kim đã ngồi đối diện. Người con gái đó có dáng ngồi thật thẳng, thật ngoan, thật dễ thương với hai bàn tay đặt nằm thoải mái trên đầu gối. Ở Kim, toát ra một cái gì vừa tươi mát vừa tinh khiết, lại vừa trầm lặng với sức sống căng đầy. Nghĩa cảm thấy bối rối, không biết phải nói cái gì, nói làm sao, rồi miên man nghĩ: “Chắc Kim sẽ buồn lắm khi nghe mình nói. Chắc Kim cũng sẽ... cũng sẽ đau khổ lắm khi biết mình đi. Bây giờ còn ngồi đây với nhau chớ lát nữa đây, rồi ngày mai, rồi mãi mãi

sẽ không còn gặp nhau nữa. Vĩnh viễn không gặp nhau nữa. Vĩnh viễn... Vĩnh viễn...”. Nghĩa thấy thương Kim. Nghĩa thấy thương Nghĩa. Nghĩa thấy thương hai đứa. Nghĩa muốn khóc! Nghĩa không dám nhìn thẳng mặt Kim. Nghĩa nhìn đôi bàn tay thon nhỏ của Kim, đôi bàn tay ngoan hiền nằm trên đầu gối. Đôi bàn tay đó đã từng vẫy gọi Nghĩa trong đám đông, đã từng vỗ vào nhau thành nhịp khi Nghĩa đàn, và một hôm, đã từng kết lại giùm Nghĩa cái nút áo, sau một lần vạt lộn với bầy em của Kim. Đôi bàn tay đó, rồi đây, suốt cuộc đời về sau, Nghĩa sẽ không còn được cầm lấy, nắm lấy, hay nhìn thấy, dù là trong giấc mộng. Không tự chủ được, Nghĩa nghiêng người tới cầm lấy hai bàn tay của Kim. Một cử chỉ thật đột ngột làm Kim sửng sốt định rút tay về, nhưng khi thấy Nghĩa chẳng có nét gì sỗ sàng nên để yên. Nghĩa giữ tay

Kim trong tay mình như giữ một vật gì đẹp nhất, quý nhất của cuộc đời này. Như hơi thở. Như nhịp tim. Như tình yêu... tình yêu... tình yêu...

Yên lặng. Nghĩa ngồi như pho tượng. Lưng khom khom, đầu chúi xuống, cùi chỏ chống lên đùi làm hai vai nhô lên. Kim không nhìn thấy mặt Nghĩa, nhưng Kim “nhìn” thấy tâm tư của Nghĩa trong đôi bàn tay và trong dáng ngồi của bạn. Đôi bàn tay muốn nắm thời gian ngừng lại và dáng ngồi nói lên niềm thống khổ vô biên...

Yên lặng. Rồi có tiếng Kim hỏi, thật trầm tĩnh:

– Nghĩa đi hả?

Không có tiếng trả lời. Nhưng Nghĩa gật gật đầu, cái đầu đã ở sẵn tư thế

cúi thấp xuống của một người nhận chịu số phận! Rồi vai Nghĩa bỗng run run, Nghĩa gục xuống tay nấc lên khóc. Bấy giờ – và chỉ bấy giờ – những ngón tay của hai đứa mới đan vào nhau, tự nhiên đan vào nhau, giữ lấy nhau, giữ chặt lấy nhau. Không biết tại sao? Không biết để làm gì? Mà cần gì phải biết, khi tất cả đều vô nghĩa? Vô nghĩa!

Yên lặng. Không gian không còn nữa. Thời gian không còn nữa. Vũ trụ bây giờ nằm trọn trong lòng tay hai đứa, một vũ trụ rách nát, đau thương. Ở đó, giữa những ngón tay đan chặt vào nhau, tình yêu vừa mới sinh ra, còn măng non nhưng sao đã thấy già nước mắt....

Yên lặng. Kim không khóc. Kim vẫn ngồi thẳng, nhìn thẳng, tuy tâm hồn đã tê dại. Phải một lúc lâu sau, thật lâu sau, Kim mới trở về với chính mình để nhận

thấy rằng bỗng nhiên mình già đi mười mấy tuổi! Kim nhìn xuống Nghĩa, chỉ thấy cái đầu tóc ngắn, cái ót gầy gầy, đôi vai nhô cao. Hình ảnh cuối cùng của Nghĩa là đây chăng? Người con trai có đôi mắt xéch xéch, có cái cười rộng huých làm cho một bên má lúm đồng tiền, người con trai đã làm Kim rung động, người con trai đã làm Kim xao xuyến, người con trai đó, bây giờ, Kim chỉ nhìn thấy được có cái ót và đôi vai thôi! Rồi mai mất... mai mất... Một chua xót đang trào trực dâng lên. Kim cắn môi kềm lại. Yên lặng...

Một lúc sau, Kim hỏi, giọng lạc đi:

– Chùng nào?

Nghĩa ngồi thẳng lên, tay vẫn không rời tay Kim, mặt còn đầy nước mắt, giọng cũng lạc đi:

– Khuya!

Kim nhìn gương mặt méo mó vì đau khổ của Nghĩa bỗng nghe xúc động dạt dào. Kim muốn chồm tới ôm lấy Nghĩa, ôm lấy gương mặt đầy nước mắt đó áp vào má mình, ôm thật chặt, xiết thật chặt, để mọi niềm đau được cùng chia sẻ, để mọi nỗi hận được cùng xả đôi. Nhưng Kim gượng lại, gượng lại vì lễ giáo, và gượng lại vì sợ không rời nhau ra được nữa... Trào lòng dâng dậy miên man, Kim nhắm nghiền mắt lại, siết những ngón tay của Nghĩa, siết với hết sức mình, siết thật mạnh, siết thật đau, siết như để nén một trời thống khổ, siết như để bóp vỡ một cái gì uất nghẹn trong tim, siết như đang cố gắng nuốt một liều thuốc đắng, siết như... siết như để chia tay lần cuối trước khi lìa đời... Kim cắn răng để đừng bật khóc!

Yên lặng. Lâu sau, Nghĩa buông tay Kim đứng lên, lùi thúi lại lấy xe đạp. Kim bước theo, nhẹ như một cái bóng. Kim mở cổng, tiếng cổng rĩ sét rên lên. Nghĩa dẫn xe ra, không dám nhìn lại cũng không dám nói một lời, chỉ phóng lên xe đi thẳng. Kim đóng cổng, cổng sắt lại rên lên trước khi kêu cái rầm khô khan. Kim có cảm tưởng như mình vừa bị nhốt trong tù. Ngoài kia, đã là một thế giới khác.

Khi Kim bước lên cầu thang để lên gác – cái gác lửng ba làm cho Kim ngủ và học riêng một mình trên đó – Kim bỗng nghe hai chân mình yếu đi, chẳng còn chút sức lực nào hết. Kim cố bám từng nấc thang, mồ hôi đổ ra như tắm. Lên đến bên trên, Kim chỉ còn đủ sức gieo mình xuống giường, úp mặt xuống gối, khóc ngất... Bao nhiêu nước mắt trần

gian xin gửi hết cho Kim, người con gái mang tâm trạng người góa phụ.



Trời mưa Paris. Ở đây không có “mưa rồi chợt nắng” như ở Sài Gòn. Ở đây, mưa không ngập tràn cống rãnh, mưa không đưa rác trôi quanh phường phố. Cũng không có trẻ con cời truồng chạy giỡn trong mưa. Cho nên, chẳng có gì để gợi nhớ như mưa Sài Gòn...

Nghĩa ngồi một mình uống cà phê trong một bar ở khu Maubert. Hai cô đầm tránh mưa kéo vào ngồi bàn trước mặt. Những giọt mưa trên mái tóc vàng

gợi nhớ những giọt mưa trên mái tóc đen của Kim hồi đó. Hồi đó, nghĩa là đã hơn bảy năm. Bảy năm không một tin tức gì hết của Kim, mặc dù đã gọi không biết bao nhiêu thư, đã nhắn không biết bao nhiêu lời qua bạn bè của hai đứa! Cứ im lìm trống rỗng, làm như những chuyện gì đã xảy ra hồi đó chỉ là một ảo ảnh, một giấc mơ....

Những giọt mưa trên tóc hai cô đầm trước mặt vẫn lấp lánh dưới ánh đèn trong bar càng gợi lại hình ảnh Kim trong lần đụt mưa hồi đó với những giọt mưa trên tóc, rõ ràng như Nghĩa đang nhìn bây giờ. Vậy mà bây giờ....

Nghĩa đốt điều thuốc. Hít một hơi dài bỗng nghe khói thuốc thật đắng và làm cay chảy nước mắt.

